

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ NỘI VỤ**

*** * ***

**TÀI LIỆU ÔN TẬP
THI TUYỂN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH
(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

Hà Nội, tháng 01 năm 2012

TÀI LIỆU ÔN TẬP THI TUYỂN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2011

MÔN KIẾN THỨC CHUNG

* * *

PHẦN I

TỔNG QUAN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

* * *

1. Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay:

Hệ thống chính trị ở Việt Nam được hình thành trong tiến trình cách mạng và ra đời từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đó là nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á. Hệ thống chính trị mang tính chất dân chủ nhân dân.

Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân chuyển sang làm nhiệm vụ có tính chất XHCN ở miền Bắc từ năm 1954 và trong phạm vi cả nước vào năm 1975.

Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các cấu thành thực hiện quyền lực chính trị sau:

1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam:

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, vừa là lực lượng lãnh đạo hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với hệ thống chính trị là cần thiết và tất yếu để đảm bảo cho hệ thống chính trị giữ được bản chất giai cấp công nhân, đảm bảo cho hệ thống chính trị giữ được bản chất giai cấp công nhân, đảm bảo mọi quyền lực thuộc về nhân dân. Bài học kinh nghiệm của cải tổ, cải cách cho thấy, khi Đảng Cộng sản không giữ được vai trò lãnh đạo hệ thống chính trị, sẽ dẫn đến hậu quả làm rối loạn hệ thống chính trị và xã hội, quyền lực chính trị sẽ không còn trong tay nhân dân và chế độ xã hội thay đổi.

1.2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa trong hệ thống chính trị:

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa trong hệ thống chính trị là tổ chức quyền lực thể hiện và thực hiện ý chí của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội. Mặt khác, Nhà nước chịu sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân, thực hiện đường lối chính trị của giai cấp công nhân, thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tổ chức trung tâm thực hiện quyền lực chính trị, là trụ cột của hệ thống chính trị, là bộ máy tổ chức quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại.

Quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật, Nhà nước phải có đủ quyền lực, đủ năng lực định ra pháp luật và năng lực tổ chức quản lý các mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật. Để Nhà nước hoàn thành nhiệm vụ quản lý xã hội bằng pháp luật, thực hiện quyền

lực nhân dân, phải luôn chăm lo kiện toàn các cơ quan nhà nước, với cơ cấu gọn nhẹ, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, với một đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị vững vàng, năng lực chuyên môn giỏi; thường xuyên giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức sống làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; có cơ chế và biện pháp ngăn ngừa tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm... của đội ngũ cán bộ, công chức; nghiêm trị những hành vi gây rối, thù địch; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, tổ chức xã hội, xây dựng và tham gia quản lý nhà nước...

Nhấn mạnh vai trò của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật cần thấy rằng:

Một là, toàn bộ hoạt động của cả hệ thống chính trị, kể cả sự lãnh đạo của Đảng cũng phải trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, chống mọi hành động lộng quyền coi thường pháp luật;

Hai là, có mối liên hệ thường xuyên và chặt chẽ giữa Nhà nước và nhân dân, lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhân dân, quản lý đất nước vì lợi ích của nhân dân, chức không phải vì các cơ quan và công chức nhà nước;

Ba là, không có sự đối lập giữa nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước mà phải đảm bảo sự thống nhất để tăng sức mạnh lẫn nhau. Tính hiệu lực và sức mạnh của Nhà nước chính là thể hiện hiệu quả lãnh đạo của Đảng.

1.3. Các tổ chức chính trị- xã hội và đoàn thể nhân dân:

Các tổ chức chính trị- xã hội và đoàn thể nhân dân đại diện cho lợi ích của các cộng đồng xã hội khác nhau tham gia vào hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa tùy theo tôn chỉ, mục đích, tính chất. Ở các nước xã hội chủ nghĩa khác nhau, các tổ chức này rất phong phú và hoàn toàn không giống nhau; nội dung, hình thức và phương thức hoạt động cũng rất đa dạng và sinh động. Các tổ chức đó có nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức... động viên phát huy tính tích cực xã hội của các tầng lớp nhân dân, góp phần tích cực thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội; chăm lo lợi ích chính đáng của các thành viên; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, giữ vững và tăng cường mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Trong thực tế hiện nay cần phải tách xu hướng biến các tổ chức này thành tổ chức hành chính, quan liêu, dựa vào sự bao cấp của Nhà nước, không thể hiện được tính tích cực, đa dạng, đặc thù của mình trong tổ chức và hoạt động.

2. Vị trí pháp lý của các cơ quan trong tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

2.1. Quốc hội

Điều 83:

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp.

Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân.

Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Điều 84

Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật; quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;

2- Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo hoạt động của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

3- Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

4- Quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế;

5- Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước;

6- Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương;

7- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ; phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh; bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn;

8- Quyết định thành lập, bãi bỏ các Bộ và các cơ quan ngang Bộ của Chính phủ; thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thành lập hoặc giải thể đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;

9- Bãi bỏ các văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội;

10- Quyết định đại xá;

11- Quy định hàm, cấp trong các lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp Nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự Nhà nước;

12- Quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia;

13- Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn hoặc bãi bỏ điều ước quốc tế do Chủ tịch nước trực tiếp ký; phê chuẩn hoặc bãi bỏ các điều ước quốc tế khác đã được ký kết hoặc gia nhập theo đề nghị của Chủ tịch nước;

14- Quyết định việc trưng cầu ý dân.

2.2. Chủ tịch nước

Điều 101:

Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

Điều 102:

Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội.

Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khoá mới bầu Chủ tịch nước mới.

Điều 103:

Chủ tịch nước có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- 1- Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh;
- 2- Thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh;
- 3- Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- 4- Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ;
- 5- Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, công bố quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh, công bố quyết định đại xá;
- 6- Căn cứ vào nghị quyết của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Uỷ ban thường vụ Quốc hội không thể họp được, ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;
- 7- Đề nghị Uỷ ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày kể từ ngày pháp lệnh được thông qua; nếu pháp lệnh đó vẫn được Uỷ ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí, thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất;
- 8- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án, Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- 9- Quyết định phong hàm, cấp sĩ quan cấp cao trong các lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp đại sứ, những hàm, cấp nhà nước trong các lĩnh vực khác; quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, giải thưởng nhà nước và danh hiệu vinh dự nhà nước;
- 10- Cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam; tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; tiến hành đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với người

đứng đầu Nhà nước khác; trình Quốc hội phê chuẩn điều ước quốc tế đã trực tiếp ký; quyết định phê chuẩn hoặc gia nhập điều ước quốc tế, trừ trường hợp cần trình Quốc hội quyết định;

11- Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc tước quốc tịch Việt Nam;

12- Quyết định đặc xá.

2.3. Chính phủ

Điều 109:

Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước; bảo đảm hiệu lực của bộ máy Nhà nước từ trung ương đến cơ sở; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm ổn định và nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Điều 112:

Chính phủ có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Lãnh đạo công tác của các Bộ, các cơ quan ngang Bộ và các cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, xây dựng và kiện toàn hệ thống thống nhất bộ máy hành chính Nhà nước từ trung ương đến cơ sở; hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân thực hiện các văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên; tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo luật định; đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp và sử dụng đội ngũ viên chức Nhà nước;

2. Bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang và công dân; tổ chức và lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục Hiến pháp và pháp luật trong nhân dân;

3. Trình dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác trước Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội;

4. Thống nhất quản lý việc xây dựng, phát triển nền kinh tế quốc dân; thực hiện chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quản lý và bảo đảm sử dụng có hiệu quả tài sản thuộc sở hữu toàn dân; phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Nhà nước;

5. Thi hành những biện pháp bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tạo điều kiện cho công dân sử dụng quyền và làm tròn nghĩa vụ của mình, bảo vệ tài sản, lợi ích của Nhà nước và của xã hội; bảo vệ môi trường;

6. Củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân; thi hành lệnh động viên, lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và mọi biện pháp cần thiết khác để bảo vệ đất nước;

7. Tổ chức và lãnh đạo công tác kiểm kê, thống kê của Nhà nước; công tác thanh tra và kiểm tra Nhà nước, chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy Nhà nước; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân;

8. Thống nhất quản lý công tác đối ngoại; đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại điểm 10 Điều 103; đàm phán, ký, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ; chỉ đạo việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài;

9. Thực hiện chính sách xã hội, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo;

10. Quyết định việc điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

11. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; tạo điều kiện để các tổ chức đó hoạt động có hiệu quả.

2.4. Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân

Điều 126

Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong phạm vi chức năng của mình, có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.

Điều 127

Toà án nhân dân tối cao, các Toà án nhân dân địa phương, các Toà án quân sự và các Toà án khác do luật định là những cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong tình hình đặc biệt, Quốc hội có thể quyết định thành lập Toà án đặc biệt.

Ở cơ sở, thành lập các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 137

Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định."

2.5. HĐND và UBND các cấp

a- Hội đồng nhân dân:

Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Hội đồng nhân dân quyết định những chủ trương, biện pháp quan trọng để phát huy tiềm năng của địa phương, xây dựng và phát triển địa phương về kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương, làm tròn nghĩa vụ của địa phương đối với cả nước.

Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân; giám sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân ở địa phương.

b- Ủy ban nhân dân:

Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan nhà nước cấp trên.

Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp nhằm bảo đảm thực hiện chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và thực hiện các chính sách khác trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương, góp phần bảo đảm sự chỉ đạo, quản lý thống nhất trong bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương tới cơ sở.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của UBND cấp tỉnh

Điều 82

Trong lĩnh vực kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, phát triển đô thị và nông thôn trong phạm vi quản lý; xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua để trình Chính phủ phê duyệt;

2. Tham gia với các bộ, ngành trung ương trong việc phân vùng kinh tế; xây dựng các chương trình, dự án của bộ, ngành trung ương trên địa bàn tỉnh; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc chương trình, dự án được giao;

3. Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; lập dự toán thu, chi ngân sách địa phương; lập phương án phân bổ dự toán ngân sách của cấp mình trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định; lập dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; quyết toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét theo quy định của pháp luật;

4. Chỉ đạo, kiểm tra cơ quan thuế và cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ thu ngân sách tại địa phương theo quy định của pháp luật;

5. Xây dựng đề án thu phí, lệ phí, các khoản đóng góp của nhân dân và mức huy động vốn trình Hội đồng nhân dân quyết định;

6. Xây dựng đề án phân cấp chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật để trình Hội đồng nhân dân quyết định; tổ chức, chỉ đạo thực hiện đề án sau khi được Hội đồng nhân dân thông qua;

7. Lập quỹ dự trữ tài chính theo quy định của pháp luật trình Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo cơ quan tài chính cấp trên;

8. Thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp và quyền đại diện chủ sở hữu về đất đai tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 83

Trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi và đất đai, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi; các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; phát triển sản xuất và bảo vệ cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh;

2. Chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc sản xuất, sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, thức ăn gia súc, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc thú y và các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp;

3. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình Chính phủ xét duyệt; xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp; quyết định việc giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, giải quyết các tranh chấp đất đai; thanh tra việc quản lý, sử dụng đất và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

4. Chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ theo quy hoạch; tổ chức khai thác rừng theo quy định của Chính phủ; chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc nuôi trồng, đánh bắt, chế biến và bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

5. Chỉ đạo và kiểm tra việc khai thác, bảo vệ nguồn tài nguyên nước; xây dựng, khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; quản lý, bảo vệ hệ thống đê điều, các công trình phòng, chống lũ lụt; chỉ đạo và huy động lực lượng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt trên địa bàn tỉnh.

Điều 84

Trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh; tổ chức quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

2. Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển công nghiệp, xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế theo quy hoạch đã được phê duyệt; chỉ đạo, kiểm tra việc xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và các ngành, nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh; phát triển cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản và các cơ sở công nghiệp khác;

3. Tổ chức thực hiện việc bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác ở địa phương; tổ chức và kiểm tra việc khai thác tận thu ở địa phương.

Điều 85

Trong lĩnh vực giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới giao thông của tỉnh phù hợp với tổng sơ đồ phát triển và quy hoạch chương trình giao thông vận tải của trung ương;

2. Tổ chức quản lý công trình giao thông đô thị, đường bộ và đường thủy nội địa ở địa phương theo quy định của pháp luật;

3. Tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám định kỹ thuật an toàn các loại phương tiện cơ giới đường bộ, đường thủy nội địa; kiểm tra, cấp giấy phép lưu hành xe, các phương tiện giao thông đường thủy nội địa và giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật;

4. Tổ chức, chỉ đạo công tác thanh tra, bảo vệ công trình giao thông và bảo đảm an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

Điều 86

Trong lĩnh vực xây dựng, quản lý và phát triển đô thị, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây :

1. Tổ chức việc lập, trình duyệt hoặc xét duyệt theo thẩm quyền các quy hoạch xây dựng vùng, xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh; quản lý kiến trúc, xây dựng, đất xây dựng theo quy hoạch đã được duyệt; phê duyệt kế hoạch, dự án đầu tư các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền; quản lý công tác xây dựng và cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh;

2. Quản lý đầu tư, khai thác, sử dụng các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu đô thị, điểm dân cư nông thôn; quản lý việc thực hiện các chính sách về nhà ở, đất ở; quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước do Chính phủ giao;

3. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng; quản lý việc khai thác và sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

Điều 87

Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây :

1. Lập quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới thương mại, dịch vụ, du lịch; hướng dẫn, sắp xếp mạng lưới thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn; tham gia hợp tác quốc tế về thương mại, dịch vụ, du lịch theo quy định của pháp luật;

2. Cấp, thu hồi giấy phép kinh doanh du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, khách sạn, lữ hành nội địa của tỉnh theo quy định của pháp luật;

3. Tổ chức quản lý xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật; chỉ đạo công tác quản lý thị trường;

4. Quy định các quy tắc về an toàn và vệ sinh trong hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch;

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch.

Điều 88

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quản lý nhà nước đối với các loại hình trường, lớp được giao trên địa bàn tỉnh; trực tiếp quản lý các trường cao đẳng sư phạm, trường trung học chuyên nghiệp, trường trung học phổ thông, trường bổ túc văn hoá; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trong tỉnh từ trình độ cao đẳng sư phạm trở xuống; cho phép thành lập các trường ngoài công lập theo quy định của pháp luật;

2. Quản lý và kiểm tra việc thực hiện về tiêu chuẩn giáo viên, quy chế thi cử và việc cấp văn bằng theo quy định của pháp luật;

3. Thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 89

Trong lĩnh vực văn hoá, thông tin, thể dục thể thao, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hoá, thông tin, quảng cáo, báo chí, xuất bản, thể dục thể thao theo quy định của pháp luật; tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp về văn hoá, thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình của tỉnh;

2. Tổ chức hoặc được uỷ quyền tổ chức các cuộc triển lãm, hội chợ, sinh hoạt văn hoá, thể dục thể thao quốc gia, quốc tế trên địa bàn tỉnh;

3. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, trùng tu, bảo tồn các di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh, công trình văn hoá, nghệ thuật theo thẩm quyền; hướng dẫn xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá;

4. Kiểm tra, ngăn chặn việc kinh doanh, lưu hành sách báo, văn hoá phẩm phản động, đồi trụy.

Điều 90

Trong lĩnh vực y tế và xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quản lý hoạt động của các đơn vị y tế thuộc tỉnh và cấp giấy phép hành nghề y, dược tư nhân;

2. Chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ sức khỏe nhân dân; bảo vệ, chăm sóc người già, người tàn tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa; bảo vệ, chăm sóc bà mẹ, trẻ em; thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình;

3. Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chính sách ưu đãi, chăm sóc và giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với nước;

4. Thực hiện kế hoạch, biện pháp về sử dụng lao động và giải quyết các quan hệ lao động; giải quyết việc làm, điều động dân cư trong phạm vi tỉnh;

5. Thực hiện chính sách bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, xoá đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân; hướng dẫn thực hiện công tác từ thiện, nhân đạo; phòng, chống các tệ nạn xã hội và dịch bệnh ở địa phương.

Điều 91

Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch cụ thể phát triển khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường; thực hiện các biện pháp khuyến khích việc nghiên cứu, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống;

2. Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các biện pháp quản lý và sử dụng đất đai, rừng núi, sông hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi ở vùng biển tại địa phương theo quy định của pháp luật;

3. Quản lý các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh hoặc được cấp trên giao; quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ, tham gia giám định nhà nước về công nghệ đối với các dự án đầu tư quan trọng ở địa phương;

4. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc bảo vệ, cải thiện môi trường; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt, suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường và xác định trách nhiệm phải xử lý về môi trường đối với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

5. Chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường và chất lượng sản phẩm; an toàn và kiểm soát bức xạ; sở hữu công nghiệp; việc chấp hành chính sách, pháp luật về khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường ở địa phương; ngăn chặn việc sản xuất, lưu hành hàng giả và bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng.

Điều 92

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Công an nhân dân; chỉ đạo công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, chống tham nhũng, chống buôn lậu và gian lận thương mại; bảo vệ bí mật nhà nước, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội; quản lý và kiểm tra việc vận chuyển, sử dụng vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy, chất độc, chất phóng xạ; quản lý các nghề kinh doanh đặc biệt theo quy định của pháp luật;

2. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý hộ khẩu; quản lý việc cư trú, đi lại của người nước ngoài ở địa phương;

3. Thực hiện các biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang và quốc phòng toàn dân; chỉ đạo công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trong nhân dân và trường học ở địa phương; tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc; chỉ đạo việc xây dựng và hoạt động tác chiến của bộ đội địa phương, dân quân tự vệ; chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự; xây dựng lực lượng dự bị động viên và huy động lực lượng khi cần thiết, đáp ứng yêu cầu của địa phương và cả nước trong mọi tình huống;

4. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương; thực hiện việc kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh; tổ chức quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh.

Điều 93

Trong việc thực hiện chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo, Ủy ban nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và chính sách dân tộc; tổ chức, chỉ đạo thực hiện biện pháp bảo đảm các điều kiện cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao dân trí của đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và vùng có khó khăn đặc biệt;

2. Bảo đảm thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, giữ gìn, tăng cường đoàn kết và tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc ở địa phương;

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án của tỉnh đối với các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và vùng có khó khăn đặc biệt;

4. Xem xét và giải quyết việc đề nghị sửa chữa các công trình thờ tự, tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân ở địa phương theo quy định của pháp luật; xử lý hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 94

Trong lĩnh vực thi hành pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thi hành Hiến pháp, luật, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật ở địa phương;

2. Chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo vệ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân;

3. Tổ chức, chỉ đạo công tác thanh tra nhà nước, tổ chức tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật;

4. Tổ chức, chỉ đạo công tác thi hành án ở địa phương theo quy định của pháp luật;

5. Tổ chức, chỉ đạo việc quản lý hộ tịch; thực hiện công tác công chứng, giám định tư pháp, quản lý tổ chức Luật sư và tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật;

6. Tổ chức đăng ký, quản lý hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

Điều 95

Trong việc xây dựng chính quyền và quản lý địa giới hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật;

2. Xây dựng đề án thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân theo hướng dẫn của Chính phủ trình Hội đồng nhân dân quyết định;

3. Quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình;

4. Quyết định thành lập các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công trên cơ sở quy hoạch và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện quản lý nhà nước đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị của trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;

5. Cho phép thành lập, giải thể, cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước; cấp, thu hồi giấy phép thành lập doanh nghiệp, công ty; cho phép các tổ chức kinh tế trong nước đặt văn phòng đại diện, chi nhánh hoạt động trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

6. Cho phép lập hội; quản lý, hướng dẫn và kiểm tra việc thành lập và hoạt động của các hội theo quy định của pháp luật;

7. Quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp đối với các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tài chính và tổ chức đối với các đơn vị sự nghiệp theo phân cấp của Chính phủ;

8. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã theo hướng dẫn của Chính phủ;

9. Xây dựng đề án thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

10. Chỉ đạo và kiểm tra việc quản lý hồ sơ, mốc, chỉ giới và bản đồ địa giới hành chính của tỉnh và các đơn vị hành chính trong tỉnh;

11. Xây dựng phương án đặt tên, đổi tên đường, phố, quảng trường, công trình công cộng trong tỉnh trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Điều 96

Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điều 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94 và 95 của Luật này và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức thực hiện biện pháp phát huy vai trò trung tâm kinh tế - xã hội của đô thị lớn trong mối liên hệ với các địa phương trong vùng, khu vực và cả nước theo phân cấp của Chính phủ;

2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng đô thị; lập quy hoạch tổng thể về xây dựng và phát triển đô thị trình Hội đồng nhân dân thông qua để trình Chính phủ phê duyệt;

3. Thực hiện chủ trương, biện pháp tạo nguồn tài chính, huy động vốn để phát triển đô thị; xây dựng và quản lý thống nhất cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy định của pháp luật;

4. Trực tiếp quản lý quỹ đất đô thị; việc sử dụng quỹ đất đô thị phục vụ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy định của pháp luật;

5. Quản lý nhà đô thị; quản lý việc kinh doanh nhà ở; sử dụng quỹ nhà ở thuộc sở hữu nhà nước của thành phố để phát triển nhà ở tại đô thị; chỉ đạo kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong việc xây dựng nhà ở tại đô thị;

6. Hướng dẫn, sắp xếp mạng lưới thương mại, dịch vụ, du lịch đô thị;

7. Xây dựng kế hoạch và biện pháp giải quyết việc làm; phòng, chống các tệ nạn xã hội ở đô thị theo quy định của pháp luật;

8. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện các biện pháp quản lý dân cư và tổ chức đời sống dân cư đô thị;

9. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự công cộng, an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông; tổ chức phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường và cảnh quan đô thị.

PHẦN II

CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC

* * *

1. LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NĂM 2008 (Trích)

Điều 4: Cán bộ, công chức

1. Cán bộ là công dân Việt Nam, được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

2. Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp và trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập), trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước; đối với công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập thì lương được bảo đảm từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội; công chức cấp xã là công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Điều 8: Nghĩa vụ của cán bộ, công chức đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân

1. Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia.

2. Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 9: Nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ

1. Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước.
3. Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
4. Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao.
5. Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.
6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Nghĩa vụ của cán bộ, công chức là người đứng đầu

Ngoài việc thực hiện quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật này, cán bộ, công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
2. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức;
3. Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;
4. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân;
5. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức;
6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Quyền của cán bộ, công chức được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ

1. Được giao quyền tương xứng với nhiệm vụ.
2. Được bảo đảm trang thiết bị và các điều kiện làm việc khác theo quy định của pháp luật.
3. Được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.
5. Được pháp luật bảo vệ khi thi hành công vụ.

Điều 12: Quyền của cán bộ, công chức về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương

1. Được Nhà nước bảo đảm tiền lương tương xứng với nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Cán bộ, công chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc trong các ngành, nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

2. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13: Quyền của cán bộ, công chức về nghỉ ngơi

Cán bộ, công chức được nghỉ hàng năm, nghỉ lễ, nghỉ để giải quyết việc riêng theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, cán bộ, công chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hàng năm thì ngoài tiền lương còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng tiền lương cho những ngày không nghỉ.

Điều 14: Các quyền khác của cán bộ, công chức

Cán bộ, công chức được bảo đảm quyền học tập, nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở, phương tiện đi lại, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật; nếu bị thương hoặc hy sinh trong khi thi hành công vụ thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để công nhận là liệt sĩ và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15: Đạo đức của cán bộ, công chức

Cán bộ, công chức phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ.

Điều 16: Văn hóa giao tiếp ở công sở

1. Trong giao tiếp ở công sở, cán bộ, công chức phải có thái độ lịch sự, tôn trọng đồng nghiệp; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.

2. Cán bộ, công chức phải lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp; công bằng, vô tư, khách quan khi nhận xét, đánh giá; thực hiện dân chủ và đoàn kết nội bộ.

3. Khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức phải mang phù hiệu hoặc thẻ công chức; có tác phong lịch sự; giữ gìn uy tín, danh dự cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đồng nghiệp.

Điều 17: Văn hóa giao tiếp với nhân dân

1. Cán bộ, công chức phải gần gũi với nhân dân; có tác phong, thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc.

2. Cán bộ, công chức không được hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân khi thi hành công vụ.

Điều 18: Những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ

1. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công.

2. Sử dụng tài sản của Nhà nước và của nhân dân trái pháp luật.

3. Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi.

4. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.

Điều 19: Những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến bí mật nhà nước

1. Cán bộ, công chức không được tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước dưới mọi hình thức.

2. Cán bộ, công chức làm việc ở ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà nước thì trong thời hạn ít nhất là 05 năm, kể từ khi có quyết định nghỉ hưu, thôi việc, không được làm công việc có liên quan đến ngành, nghề mà trước đây mình đã đảm nhiệm cho tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài.

3. Chính phủ quy định cụ thể danh mục ngành, nghề, công việc, thời hạn mà cán bộ, công chức không được làm và chính sách đối với những người phải áp dụng quy định tại Điều này.

Điều 20: Những việc khác cán bộ, công chức không được làm

Ngoài những việc không được làm quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Luật này, cán bộ, công chức còn không được làm những việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh, công tác nhân sự quy định tại Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và những việc khác theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 76: Khen thưởng cán bộ, công chức

1. Cán bộ, công chức có thành tích trong công vụ thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Cán bộ, công chức được khen thưởng do có thành tích xuất sắc hoặc công trạng thì được nâng lương trước thời hạn, được ưu tiên khi xem xét bổ nhiệm chức vụ cao hơn nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu.

Chính phủ quy định cụ thể khoản này.

Điều 77: Miễn trách nhiệm đối với cán bộ, công chức

Cán bộ, công chức được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây:

1. Phải chấp hành quyết định trái pháp luật của cấp trên nhưng đã báo cáo người ra quyết định trước khi chấp hành;

2. Do bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Điều 78: Các hình thức kỷ luật đối với cán bộ

1. Cán bộ vi phạm quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Cách chức;

d) Bãi nhiệm.

2. Việc cách chức chỉ áp dụng đối với cán bộ được phê chuẩn giữ chức vụ theo nhiệm kỳ.

3. Cán bộ phạm tội bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ do bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm; trường hợp bị Tòa án phạt tù mà không được hưởng án treo thì đương nhiên bị thôi việc.

4. Việc áp dụng các hình thức kỷ luật, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật cán bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật, điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 79: Các hình thức kỷ luật đối với công chức

1. Công chức vi phạm quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật sau đây:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Giáng chức;
- đ) Cách chức;
- e) Buộc thôi việc.

2. Việc giáng chức, cách chức chỉ áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

3. Công chức bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo thì đương nhiên bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; công chức lãnh đạo, quản lý phạm tội bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ do bổ nhiệm.

4. Chính phủ quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức.

Điều 80: Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn do Luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì cán bộ, công chức có hành vi vi phạm không bị xem xét xử lý kỷ luật.

Thời hiệu xử lý kỷ luật là 24 tháng, kể từ thời điểm có hành vi vi phạm.

2. Thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật của cán bộ, công chức đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 02 tháng; trường hợp vụ việc có những tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 04 tháng.

3. Trường hợp cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật; trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người ra quyết định phải gửi quyết định và hồ sơ vụ việc cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật.

Điều 81: Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, công chức

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ, công chức có thể ra quyết định tạm đình chỉ công tác trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, nếu để cán bộ, công chức đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý. Thời hạn tạm đình chỉ công tác không quá 15 ngày, trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 15 ngày; nếu cán bộ, công chức bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử thì thời gian tạm giữ, tạm giam được tính là thời gian nghỉ việc có lý do; hết thời hạn tạm đình chỉ công tác nếu cán bộ, công chức không bị xử lý kỷ luật thì được tiếp tục bố trí làm việc ở vị trí cũ.

2. Trong thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử, cán bộ, công chức được hưởng lương theo quy định của Chính phủ.

Điều 82: Các quy định khác liên quan đến cán bộ, công chức bị kỷ luật

1. Cán bộ, công chức bị khiển trách hoặc cảnh cáo thì thời gian nâng lương bị kéo dài 06 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực; nếu bị giáng chức, cách chức thì thời gian nâng lương bị kéo dài 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

2. Cán bộ, công chức bị kỷ luật từ khiển trách đến cách chức thì không thực hiện việc nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực; hết thời hạn này, nếu cán bộ, công chức không vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì tiếp tục thực hiện nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức đang trong thời gian bị xem xét kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì không được ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, thi nâng ngạch, giải quyết nghỉ hưu hoặc thôi việc.

4. Cán bộ, công chức bị kỷ luật cách chức do tham nhũng thì không được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý.

Điều 83: Quản lý hồ sơ khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức

Việc khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức được lưu vào hồ sơ cán bộ, công chức.

2. LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ (trích)

Điều 2: Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước, lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên thiên nhiên.

2. Công dân và tổ chức không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9: Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Thực hiện công vụ được giao đúng quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Sử dụng tiền, tài sản nhà nước được giao đúng mục đích, định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Tham gia giám sát, đề xuất các biện pháp, giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức và trong lĩnh vực công tác được phân công, kịp thời phát hiện, tố cáo, ngăn chặn và xử lý hành vi gây lãng phí theo thẩm quyền.

3. LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG (trích)

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về phòng ngừa, phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phòng, chống tham nhũng.

2. Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.

3. Người có chức vụ, quyền hạn bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức;

b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

c) Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của Nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;

d) Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

Điều 3: Các hành vi tham nhũng

1. Tham ô tài sản.

2. Nhận hối lộ.

3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
5. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi.
7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.
8. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi.
9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi.
10. Những nhiễu vì vụ lợi.
11. Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
12. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

Điều 4: Nguyên tắc xử lý tham nhũng

1. Mọi hành vi tham nhũng đều phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh.
2. Người có hành vi tham nhũng ở bất kỳ cương vị, chức vụ nào phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.
3. Tài sản tham nhũng phải được thu hồi, tịch thu; người có hành vi tham nhũng gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.
4. Người có hành vi tham nhũng đã chủ động khai báo trước khi bị phát hiện, tích cực hạn chế thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra, tự giác nộp lại tài sản tham nhũng thì có thể được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật, giảm nhẹ hình phạt hoặc miễn truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.
5. Việc xử lý tham nhũng phải được thực hiện công khai theo quy định của pháp luật.
6. Người có hành vi tham nhũng đã nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác vẫn phải bị xử lý về hành vi tham nhũng do mình đã thực hiện.

Điều 54: Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ.

2. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do mình trực tiếp phụ trách.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do cấp phó của mình trực tiếp phụ trách.

3. Người đứng đầu đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong đơn vị do mình quản lý.

4. Việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu và cá nhân khác có trách nhiệm trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác có sử dụng ngân sách nhà nước về việc để xảy ra hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của Luật này và điều lệ, quy chế của tổ chức đó.

5. Trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được loại trừ trong trường hợp họ không thể biết được hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng.

Điều 55: Xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách thì bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi phải chịu trách nhiệm liên đới về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách thì bị xử lý kỷ luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được xem xét miễn hoặc giảm trách nhiệm pháp lý quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nếu đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi tham nhũng; xử lý nghiêm minh, báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hành vi tham nhũng.

4. Trong kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán, kết luận điều tra vụ việc, vụ án tham nhũng phải nêu rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi tham nhũng theo các mức độ sau đây:

- a) Yếu kém về năng lực quản lý;
- b) Thiếu trách nhiệm trong quản lý;
- c) Bao che cho người có hành vi tham nhũng.

Kết luận phải được gửi cho Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

PHẦN III

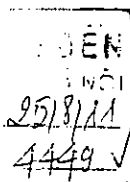
MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH CỦA THÀNH ỦY NHIỆM KỲ 2011-2015

* * *

1. Chương trình số 01 - CTr/TU ngày 18/8/2011 của Thành ủy Hà Nội về “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; năng lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền; chất lượng hoạt động của MTTQ, các đoàn thể nhân dân các cấp giai đoạn 2011-2015”;

2. Chương trình số 08 - CTr/TU ngày 18/10/2011 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm và chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức giai đoạn 2011-2015”;

3. Chương trình số 09 - CTr/TU ngày 04/11/2011 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2011-2015”



CHƯƠNG TRÌNH

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; năng lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền; chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân các cấp giai đoạn 2011 - 2015

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ GIAI ĐOẠN 2005 - 2010

1. Kết quả nổi bật

Nhiệm kỳ qua, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Thành uỷ, nhất là Nghị quyết số 15 của Quốc hội (khoá XII) về mở rộng địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của Đảng bộ Thành phố tiếp tục được chỉ đạo đồng bộ, có hiệu quả. Nổi bật là:

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được tăng cường, đạt kết quả tích cực. Thành uỷ đã phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, đề ra nhiều chủ trương đúng đắn, sáng tạo, tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt đạt kết quả quan trọng. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng có đổi mới; việc sắp xếp tổ chức, cán bộ được thực hiện đồng bộ, có hiệu quả phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị; công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở một số loại hình được chú trọng, chức năng, nhiệm vụ được xác định phù hợp hơn; công tác quản lý, phát triển đảng viên được quan tâm; công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được tăng cường, chất lượng, hiệu quả được nâng lên; công tác dân vận chuyển biến tiến bộ, bám sát nhiệm vụ chính trị của Thành phố.

Hoạt động của hệ thống chính quyền các cấp có tiến bộ, hiệu lực, hiệu quả được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Thủ đô. Việc thực hiện nhiệm vụ chính trị luôn bám sát các Nghị quyết của cấp uỷ, lựa chọn các nhiệm vụ trọng tâm, địa bàn trọng điểm để tập trung chỉ đạo tạo chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực công tác. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Thành phố nhìn chung đủ tiêu chuẩn theo quy định, nhiều đồng chí có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm thực tiễn.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phát huy tốt vai trò tập hợp, thu hút đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; củng cố, mở rộng tổ chức, phát triển đoàn viên mới; tiếp tục đổi mới hình thức, phương pháp, tổ chức nhiều phong trào thi đua, nhiều cuộc vận động có hiệu quả thiết thực; cùng với các cấp uỷ đảng, chính quyền chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng

của nhân dân; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô.

Những kết quả trên đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ Thành phố.

2. Hạn chế, khuyết điểm

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của Đảng bộ Thành phố vẫn còn những hạn chế, khuyết điểm:

Vai trò lãnh đạo của một số cấp uỷ cơ sở, nhất là tổ chức đảng khối các cơ quan, doanh nghiệp còn yếu; chất lượng sinh hoạt, tự phê bình và phê bình ở không ít cơ sở đảng còn hạn chế, kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu, vi phạm phẩm chất đạo đức, có biểu hiện tiêu cực.

Năng lực điều hành, quản lý của bộ máy chính quyền trên một số lĩnh vực như quản lý đất đai, xây dựng cơ bản ở một số địa phương, đơn vị còn hạn chế, có việc còn buông lỏng, đùn đẩy, né tránh; tổ chức bộ máy ở một số cơ quan chưa hợp lý, chức năng nhiệm vụ chưa rõ, còn chồng chéo; cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở một số nơi còn có biểu hiện hành chính hoá; công tác thu hút tập hợp quần chúng ở một số tổ chức còn yếu.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Xây dựng đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp trong sạch, vững mạnh, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, xây dựng và phát triển Thủ đô ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

1.2. Đổi mới công tác lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng; nâng cao năng lực điều hành, quản lý của bộ máy chính quyền, trọng tâm là chính quyền cấp xã, phường, thị trấn và các sở, ngành Thành phố; nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đáp ứng nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô.

1.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp có phẩm chất, đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh, có đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực hoạt động thực tiễn đảm bảo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao.

1.4. Phần đầu đạt các chỉ tiêu:

- Hàng năm, có trên 75% tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh; trên 70% đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ; kết nạp 10.000 đảng viên mới.

- Cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý có trình độ chuyên môn sau đại học đạt trên 35%; trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân 100%.

- 100% cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên; 100% cán bộ chủ chốt cấp phường, thị trấn và trên 80% cán bộ chủ chốt cấp xã có trình độ đại học. Thành phố đào tạo 1.000 cán bộ nguồn cho Thành phố và cơ sở.

2. Yêu cầu

Các cấp uỷ đảng tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để tạo bước chuyển biến mạnh trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với đẩy mạnh việc thực hiện "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Gắn công tác xây dựng Đảng với xây dựng bộ máy chính quyền và các đoàn thể chính trị-xã hội thực sự trong sạch, vững mạnh. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tâm huyết với công việc, có tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, trước nhân dân; không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất, đạo đức, lối sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển Thủ đô.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên

1.1. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, gắn với đẩy mạnh việc thực hiện "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", tạo bước chuyển biến mạnh về nhận thức, hành động nhằm chống suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên

1.1.1. Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

- Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo bước chuyển biến mạnh về nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên. Xây dựng các quy chế, quy định về xử lý, kiểm điểm nghiêm túc trách nhiệm những trường hợp vi phạm chủ trương, nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của nhà nước; suy thoái về đạo đức, lối sống và các biểu hiện tiêu cực khác.

- Chỉ đạo các cơ sở đào tạo của Thành phố nâng cao chất lượng công tác giảng dạy và học tập lý luận chính trị. Các cơ quan báo chí và truyền thông tăng cường xây dựng các chương trình, chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng với nội dung phong phú, hình thức sinh động, hấp dẫn; tăng cường tuyên truyền, phản bác những luận điệu xuyên tạc, chống phá chế độ, nhà nước của các thế lực thù địch, có tác động xấu đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhân dân.

- Chủ động nắm bắt, phân tích, dự báo diễn biến tình hình tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, kịp thời làm tốt công tác định hướng tư tưởng, hướng dẫn dư luận trước những vấn đề phức tạp, nổi cộm phát sinh. Kiện toàn đội ngũ, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ và khả năng phân tích sàng lọc thông tin của đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội.

- Các cấp uỷ xây dựng đề án, chuyên đề cụ thể, thiết thực nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả việc nghiên cứu, quán triệt, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hành động phù hợp thực hiện nghị quyết của cấp trên; chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội các cấp cụ thể hoá bằng các kế hoạch, chương trình để việc thực hiện nghị quyết đạt hiệu quả cao nhất.

1.1.2. Đẩy mạnh việc thực hiện "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", tạo sự chuyển biến mạnh về nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên

- Tập trung chỉ đạo việc thực hiện "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" theo tinh thần Chỉ thị của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Bí thư (Khoá XI); các cấp uỷ tăng cường chỉ đạo xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch, chủ đề học tập cụ thể, thiết thực; tổ chức kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, biểu dương khen thưởng các tổ chức, cá nhân tiêu biểu, kịp thời phê bình, chấn chỉnh nhận thức lệch lạc, việc làm thiếu gương mẫu.

- Tiếp tục hoàn thiện thực hiện các chuẩn mực đạo đức theo tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng địa phương, đơn vị trong tình hình mới. Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên.

- Tổ chức thực hiện tốt chương trình hành động của các tập thể và cá nhân theo tấm gương của Bác. Lấy kết quả học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ công chức, đoàn viên, hội viên hàng năm và làm cơ sở để thực hiện công tác quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức.

- Tiếp tục chỉ đạo biên soạn các tài liệu về đạo đức Hồ Chí Minh để đưa vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên trong các cơ sở đào tạo của Thành phố, tuyên truyền sâu rộng trong các cơ quan, tổ chức và trên hệ thống thông tin đại chúng từ Thành phố đến cơ sở.

1.2. Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, tạo sự chuyển biến trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Thành phố

1.2.1. Tăng cường xây dựng, củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp uỷ và tổ chức đảng

- Thành uỷ nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức và chỉ đạo các cấp uỷ rà soát, kiện toàn, sắp xếp các tổ chức đảng đồng bộ với các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội trên địa bàn dân cư, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn và tổ chức đảng, các đoàn thể nhân dân trong các cơ quan, doanh nghiệp ngoài nhà nước.

- Căn cứ các quy định của Trung ương và tình hình thực tế để bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở đảng và quy định mối quan hệ công tác giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

nhân dân nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của từng tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Gắn xây dựng chức năng nhiệm vụ để hoàn thiện tổ chức, bộ máy, biên chế và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, chuyên viên các cơ quan, đơn vị.

- Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp sinh hoạt của cấp uỷ và chi bộ theo hướng tập trung bàn và quyết định các công việc cụ thể, thiết thực đối với đảng bộ, chi bộ mình. Đề cao trách nhiệm của chi bộ trong việc quản lý đảng viên. Chi bộ phải là nơi đầu tiên nắm bắt, phát hiện, kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh khi vụ việc mới phát sinh, xem xét, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên bảo đảm đúng thực chất; xây dựng cơ chế quản lý, phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đảng viên; bồi dưỡng, tạo nguồn phát triển đảng viên mới.

1.2.2. Đổi mới công tác cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tạo chuyển biến tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Thành phố

a) Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về công tác cán bộ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ

- Thực hiện rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình về công tác cán bộ; xây dựng và thực hiện một số quy chế, quy định đặc thù của Thành phố để tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất trong toàn Đảng bộ như: Quy chế thí điểm tuyển chọn một số chức danh lãnh đạo ở các sở, ban, ngành Thành phố; Quy định chế độ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; Quy chế tuyển chọn cán bộ tài năng; Quy chế lấy ý kiến quần chúng về đánh giá cán bộ...

- Hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ trong từng loại hình cơ quan, tổ chức, đơn vị; thực hiện việc bố trí, sử dụng cán bộ phải đảm bảo tiêu chuẩn, đúng người, đúng việc và đúng quy trình. Thực hiện chủ trương trẻ hoá và từng bước nhất thể hoá chức danh cán bộ, quan tâm đến cán bộ nữ, tạo bước chuyển biến có tính đột phá về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

- Tiếp tục phân cấp, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm một số khâu trong công tác quản lý cán bộ cho cơ sở; tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện những nội dung đã được phân công, phân cấp để kịp thời phát hiện, uốn nắn những thiếu sót, tiêu cực trong công tác cán bộ.

- Các cấp uỷ tập trung nghiên cứu, xây dựng chiến lược cán bộ theo tinh thần Kết luận Hội nghị Trung ương 9 (khoá X), khắc phục một bước tình trạng hụt hẫng, chắp vá khi có nhu cầu sử dụng cán bộ; quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô trước mắt và lâu dài.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp đồng thời chú trọng đến công tác tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng, bố trí sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là cán bộ, chuyên viên công tác tại các sở, ngành Thành phố và cán bộ chủ chốt ở xã, phường, thị trấn.

b) Đổi mới, tạo bước đột phá trong công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ

- *Về công tác đánh giá cán bộ*: Đổi mới phương pháp đánh giá, nhất là đổi mới với cấp uỷ viên và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; thực hiện đánh giá cán bộ phải đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, khách quan, toàn diện, lấy chất lượng, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chính; mở rộng đối tượng và phạm vi trong việc lấy ý kiến đánh giá, nhận xét đối với cán bộ, công chức. Coi trọng và phát huy trách nhiệm của người đứng đầu, người trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ. Xây dựng cụ thể hoá các tiêu chí đánh giá đối với từng đối tượng cán bộ trong các loại hình tổ chức, cơ quan, đơn vị.

- *Về công tác quy hoạch cán bộ*: Chỉ đạo thực hiện đồng bộ công tác quy hoạch cán bộ đầu nhiệm kỳ; hàng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí cán bộ được quy hoạch. Gắn quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý với quy hoạch cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ. Quan tâm quy hoạch cán bộ trẻ, cán bộ nữ, quy hoạch nguồn cán bộ chủ chốt của Thành phố trong nhiệm kỳ tới.

- *Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ*: Xây dựng và triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thuộc hệ thống chính trị của Thành phố bảo đảm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình; nội dung đào tạo cần chú trọng chất lượng, tính thiết thực, yêu cầu kỹ năng xử lý tình huống thực tế. Phối hợp với các trường đại học, học viện trên địa bàn tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài; các lớp cán bộ nguồn làm công tác tổ chức, kiểm tra, tuyên giáo của Đảng và cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn.

- *Về công tác điều động, luân chuyển cán bộ*: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 11-KH/TU. Luân chuyển cán bộ cần dựa vào kết quả đánh giá, quy hoạch, yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ; gắn luân chuyển với điều động, bố trí đội ngũ cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ công tác. Chú trọng luân chuyển cán bộ từ Thành phố về cơ sở và ngược lại; luân chuyển cán bộ đảng sang chính quyền, đoàn thể và ngược lại; luân chuyển cán bộ giữa các cơ quan, đơn vị cấp Thành phố và giữa các quận, huyện, thị xã; cán bộ khối nội chính. Gắn luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý với sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp, nhất là ở những vị trí công tác dễ phát sinh tiêu cực, cán bộ làm việc một vị trí lâu năm, trì trệ, kém phát triển.

- *Về công tác tuyển chọn, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ*: Đổi mới công tác tuyển dụng cán bộ, công chức thông qua thi tuyển hoặc bằng cơ chế, tiêu chí tuyển dụng người tài năng. Mở rộng dân chủ, khách quan, khoa học trong công tác bổ nhiệm cán bộ; thực hiện quy trình giới thiệu nguồn nhân sự rộng rãi, không khép kín, có số dư. Kiên quyết miễn nhiệm, thay thế kịp thời những cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ, năng lực yếu, chuyên quyền, độc đoán, bảo thủ, trì trệ, né tránh trách nhiệm, để đơn vị xảy ra tiêu cực.

- *Về thực hiện chính sách cán bộ*: Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các chính sách đối với cán bộ bảo đảm đồng bộ, công bằng, khách quan; quan

tâm đến chế độ, chính sách đối với người có công, cán bộ hưu trí. Xây dựng một số chế độ, chính sách đãi ngộ mang tính đặc thù nhằm thu hút, sử dụng người tài, chuyên gia giỏi, cán bộ trẻ xuất sắc, cán bộ nữ và cán bộ cơ sở...

1.3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; tích cực đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

1.3.1. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy trình kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thi hành kỷ luật để thống nhất thực hiện trong toàn Đảng bộ; xây dựng hoàn thiện quy chế phối hợp giữa Ủy ban kiểm tra các cấp với các tổ chức có liên quan; ban hành quy trình giám sát chuyên đề của Ban Thường vụ Thành ủy đối với tổ chức đảng và đảng viên trong Đảng bộ Thành phố.

- Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, mục đích để chủ động phòng ngừa vi phạm, giúp tổ chức đảng, đảng viên khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm ngay từ lúc mới manh nha, khi phát hiện vi phạm phải xử lý nghiêm minh để ngăn ngừa, giáo dục.

- Cấp ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; trong đó tập trung vào 05 nhiệm vụ chủ yếu và 02 khâu đột phá của Thành phố. Chú trọng kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng trực thuộc và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, nhất là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức; chủ động phát hiện những sơ hở, bất cập do cơ chế chính sách và trong công tác quản lý để kiến nghị điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- Việc xem xét xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên vi phạm phải kết hợp xem xét, xử lý trách nhiệm cả các tổ chức, người đứng đầu cơ quan quản lý cán bộ, đảng viên đó và các tổ chức, cá nhân bao che, không khách quan trong việc xem xét xử lý cán bộ vi phạm.

- Củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra các cấp; tăng cường mối quan hệ phối hợp đồng bộ giữa cơ quan kiểm tra với các cơ quan nội chính các cấp để thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

1.3.2. Tăng cường đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản có liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Xây dựng một số quy định, chế tài cụ thể, đủ mạnh nhằm ngăn chặn những hành vi tiêu cực, sách nhiễu, gây khó khăn phiền hà cho tổ chức, cá nhân, nhất là đối với cán bộ các cơ quan chuyên môn thuộc sở, ban, ngành Thành phố, cán bộ cấp phòng, ban ở các quận, huyện, thị và cán bộ xã, phường, thị trấn.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, tập trung vào những lĩnh vực công tác dễ phát sinh tiêu cực, có nhiều dư luận, đơn thư khiếu nại, tố cáo

về hành vi tiêu cực trong cán bộ, công chức như: quản lý đất đai, quy hoạch, quản lý xây dựng, tài chính, đầu tư công trình dự án, hạ tầng kỹ thuật... Tăng cường công tác giám sát của UBKT cấp uỷ các cấp, các đoàn thể chính trị xã hội và các tầng lớp nhân dân nhằm góp phần đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc, các quy chế quy định nội bộ trong từng cơ quan, đơn vị nhằm phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết, nâng cao văn hoá cơ quan, đơn vị nhất là văn hoá ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

1.4. Đổi mới nội dung, phương thức và hiệu quả hoạt động công tác dân vận

- Thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị Thành phố, các cấp uỷ đảng tiếp tục chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo công tác vận động quần chúng, công tác dân tộc, tôn giáo nhằm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân Thủ đô góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu đảm bảo phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cấp chính quyền thực hiện tốt các văn bản của Trung ương và Thành phố, từng bước đưa công tác dân vận của chính quyền vào nề nếp. Chú trọng giáo dục, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực sự "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với nhân dân"; quan tâm phối hợp với các cơ quan Trung ương và các lực lượng vũ trang trên địa bàn Thành phố để thực hiện có hiệu quả công tác dân vận.

- Quán triệt chủ trương, nghị quyết của Đảng, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác dân vận, tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước ở các cấp, các ngành tạo sự đồng thuận trong Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân.

1.5. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

- *Đổi mới trong nghiên cứu, ban hành Nghị quyết:* Xây dựng nghị quyết của Đảng theo hướng lựa chọn những lĩnh vực khó khăn, phức tạp, yêu cầu thực tiễn đòi hỏi cần phải giải quyết đồng thời tập trung chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện sâu sát, cụ thể đạt hiệu quả cao nhất. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng của Trung ương và Thành phố nhằm giải quyết, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- *Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành:* Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, phát huy sự năng động, sáng tạo của từng tổ chức; tránh bao biện, làm thay song cũng tránh buông lỏng, làm mất vai trò lãnh đạo của Đảng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tập trung xây dựng, hoàn thiện các quy chế hoạt động, quy định chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các cơ quan, tổ chức phù hợp quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tình hình của từng đơn

vị. Cấp ủy viên và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp cần có kế hoạch đi cơ sở, bám sát thực tiễn để chỉ đạo, xem xét, giải quyết những khó khăn ở cơ sở.

- *Mở rộng dân chủ trong Đảng*: Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; mở rộng dân chủ thông qua cơ chế đối thoại giữa lãnh đạo của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân với cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm chế độ tiếp công dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân qua đó tập trung chỉ đạo, giải quyết những vấn đề mà cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân quan tâm.

- *Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng*: Chỉ đạo tăng cường phân cấp mạnh cho cơ sở về nhiệm vụ, thẩm quyền giải quyết gắn với tạo điều kiện về cơ chế tài chính, cơ sở vật chất, cán bộ để đảm bảo thực hiện được nhiệm vụ được giao. Xây dựng quy trình tiếp nhận, xử lý văn bản và quy định thời hạn xử lý, giải quyết các thủ tục hành chính; rà soát, loại bỏ những thủ tục hành chính không cần thiết. Đổi mới việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị theo hướng giảm hội họp, tăng cường chất lượng các cuộc họp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, giao ban công tác, trao đổi thông tin chuyên môn, nghiệp vụ...

2. Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của bộ máy chính quyền các cấp

2.1. Tiếp tục kiện toàn tổ chức nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, nhất là chất lượng ban hành nghị quyết. Đẩy mạnh hoạt động giám sát, tái giám sát; mở rộng các hình thức tiếp xúc cử tri; tăng cường công tác tiếp công dân, kịp thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn xem xét, giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; nâng cao năng lực hoạt động của các ban Hội đồng nhân dân các cấp.

- Xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của UBND Thành phố; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng thành viên, thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và chịu trách nhiệm trước phần việc được giao. Chỉ đạo các sở, ngành Thành phố và UBND các quận, huyện, thị xã sắp xếp tổ chức, rà soát lại chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc để khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. Báo cáo, trình Chính phủ xem xét, điều chỉnh những bất hợp lý về tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Thành phố.

- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện quy chế phối hợp và điều phối công tác giữa các sở, ban, ngành Thành phố với UBND các quận, huyện, thị xã, trong đó chú trọng tới các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, giải phóng mặt bằng... bảo đảm cho công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp được thực hiện thông suốt, có hiệu lực, hiệu quả.

- Sắp xếp, kiện toàn lại các tổ chức, đơn vị sự nghiệp theo hướng đồng bộ; thực hiện cơ chế khoán kinh phí hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp. Xây dựng đề án sắp xếp, tổ chức lại hoặc giải thể những đơn vị sự nghiệp đã hoàn thành nhiệm vụ theo chương trình mục tiêu hoặc những đơn vị sự nghiệp hoạt động kém hiệu quả.

2.2. Hoàn thiện các cơ chế chính sách về quản lý kinh tế, xây dựng đô thị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng

- Thường xuyên rà soát cơ chế chính sách, kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy của Thành phố trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước cho phù hợp với pháp luật và thực tiễn, tạo thuận lợi cho công tác quản lý, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh...

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tham mưu, xây dựng cơ chế, chính sách. Tăng cường giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách của Nhà nước và Thành phố ở cơ sở; mở rộng dân chủ trong việc lấy ý kiến tham gia xây dựng cơ chế, chính sách trong các lĩnh vực quản lý nhà nước mang tính đặc thù của Thành phố.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật trong công tác quản lý nhà nước và thực thi công vụ. Có biện pháp tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với việc thực hiện các chính sách, quy định của Thành phố tại cơ sở.

2.3. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và nâng cao ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức viên chức

- Chỉ đạo thực hiện đồng bộ và toàn diện, thường xuyên kiểm tra công tác cải cách hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước của Thành phố; trong đó, tập trung chỉ đạo thực hiện khâu đột phá về cải cách thủ tục hành chính, tiếp tục rà soát, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết; nâng cao trách nhiệm, năng lực và có chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ công chức làm việc tại bộ phận "một cửa", "một cửa liên thông" và bộ phận xây dựng các cơ chế, chính sách.

- Chuẩn hóa, công khai hóa các quy trình giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, cấp đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, cấp chứng chỉ quy hoạch, giới thiệu địa điểm và cấp phép xây dựng, thu hồi đất, giao đất... Xây dựng và thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, chú trọng khâu giải quyết các công việc đối với công dân, tổ chức, trước hết ở lĩnh vực tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính. Cải tiến phương thức soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chuẩn hóa quy trình ra quyết định hành chính. Thường xuyên rà soát, đánh giá các văn bản đã ban hành để bổ sung, điều chỉnh hoặc thay thế, bãi bỏ.

- Phân cấp hợp lý quản lý hành chính gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Chỉ đạo thực hiện cơ chế “một cửa”, thực hiện thống nhất, đồng bộ toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của các cơ quan hành chính từ Thành phố đến cấp xã, phường, thị trấn; thí điểm thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính qua mạng. Tăng cường công tác thanh tra công vụ; xử lý nghiêm những cán bộ, công chức sai phạm. Đổi mới quản lý tài chính công, đảm bảo thiết thực, công khai, minh bạch, hiệu quả. Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của nhân dân về hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính.

2.4. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trụ sở làm việc cho cấp xã, phường, thị trấn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới

- Rà soát lại toàn bộ trụ sở làm việc của cơ quan Đảng, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn để tiến hành đầu tư nâng cấp, tu bổ, sửa chữa; xem xét dành quỹ đất, lập dự án đầu tư xây mới các trụ sở làm việc của các địa phương đang phải đi thuê, nhờ tạm.

- Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị làm việc cho cán bộ, công chức gắn với đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, nhất là trình độ công nghệ thông tin, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tăng kinh phí đào tạo cán bộ nguồn chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn.

3. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp

3.1. Đổi mới phương thức hoạt động; củng cố, kiện toàn tổ chức của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Các hoạt động cần hướng mạnh về cơ sở, sâu sát cơ sở, gần dân, nắm chắc tình hình các tầng lớp nhân dân; khắc phục biểu hiện hành chính hoá ở một số địa phương, đơn vị; chủ động tham mưu, phối hợp giải quyết kịp thời những vấn đề dân sinh, bảo đảm an sinh xã hội. Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; phát huy vai trò nòng cốt, đa dạng hoá các hình thức thu hút, tập hợp, đoàn kết đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Tiếp tục thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở có chiều sâu.

- Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức sinh động, phù hợp với đặc điểm của từng tổ chức và đối tượng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội Thành phố tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân với công cuộc xây dựng, phát triển Thủ đô và đất nước.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội từ Thành phố đến cơ sở, phấn đấu giảm dần cơ sở yếu kém, phát triển thêm các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc các cấp. Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ công tác trong các cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội. Khảo sát, xây dựng Đề án

thành lập các đoàn thể ở các loại hình cơ quan, doanh nghiệp ngoài công lập; tập trung kiện toàn tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội ở thôn, làng, khu dân cư, tổ dân phố đảm bảo đồng bộ, thống nhất trên địa bàn Thành phố.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội Thành phố xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp hoạt động với chính quyền các cấp, tham gia giám sát, xây dựng chính quyền; xây dựng cơ chế để nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội; duy trì chế độ kiểm tra, giám sát đối với các đoàn thể cấp dưới và đoàn viên, hội viên nhằm đảm bảo chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của các tổ chức.

3.2. Tổ chức các phong trào hoạt động theo hướng thiết thực, hiệu quả

- Mặt trận Tổ quốc các cấp chú trọng nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; thực hiện tốt vai trò giám sát, tham gia xây dựng chính quyền, phản biện xã hội. Đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” trong giai đoạn mới; tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, “Nhân dân Thủ đô thực hiện việc tang văn minh tiến bộ”; xây dựng, phát triển nhân rộng các điển hình, mô hình tiên tiến. Các cuộc vận động, các phong trào bảo đảm tính thiết thực, đáp ứng nguyện vọng các tầng lớp nhân dân, gắn kết giữa hiệu quả phong trào với lợi ích của từng gia đình và cộng đồng xã hội.

- Liên đoàn Lao động Thành phố và tổ chức công đoàn các cấp thực hiện tốt chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân viên chức lao động; tiếp tục tổ chức tốt cuộc vận động “xây dựng nếp sống văn hoá công nghiệp trong công nhân viên chức lao động Thủ đô”, cuộc vận động “thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động, lấy công nhân viên chức lao động và đoàn viên làm đối tượng vận động; tổ chức thực hiện tốt các phong trào hành động, thi đua trong công nhân viên chức lao động Thủ đô. Tham mưu đề xuất đầu tư, nâng cấp, cải tạo các cơ sở dạy nghề, cơ sở hạ tầng xã hội ở các khu công nghiệp, góp phần nâng cao đời sống của công nhân viên chức lao động Thủ đô.

- Hội Nông dân Thành phố tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua hành động cách mạng trong nông dân, đặc biệt là phong trào “nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau thực hiện mục tiêu tăng hộ giàu, giảm hộ nghèo”. Tập trung thực hiện tốt các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân về vay vốn, đào tạo nghề, giới thiệu tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Hướng dẫn nông dân chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo ra sản phẩm nông nghiệp có giá trị và khả năng cạnh tranh cao. Vận động nông dân tham gia thực hiện tốt chương trình xây dựng “Nông thôn mới”. Tích cực tham gia xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách của Thành phố có liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông dân, xây dựng nông thôn mới.

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Thành phố tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống cho thanh thiếu nhi; chăm lo, giải quyết việc

làm, tạo điều kiện cho đoàn viên, thanh niên phấn đấu rèn luyện, trưởng thành; tích cực phòng chống tệ nạn xã hội, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, chấp hành pháp luật, hăng hái đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá Thủ đô. Hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu, nguyện vọng, lợi ích chính đáng của tuổi trẻ. Nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua nhằm phát huy tính xung kích, sáng tạo, tinh nguyện của thanh niên tham gia xây dựng Thủ đô. Quan tâm thu hút, tập hợp thanh niên tôn giáo, dân tộc thiểu số, giáo dục thanh niên chậm tiến.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tích cực đổi mới hoạt động của các cấp Hội theo hướng đa dạng hoá, theo lứa tuổi, ngành nghề, sở thích. Chăm lo củng cố, xây dựng tổ chức Hội và đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội ở những nơi còn khó khăn, yếu kém, nhất là ở cấp cơ sở, vùng có nhiều đồng bào công giáo, đồng bào các dân tộc thiểu số; chăm lo, giải quyết việc làm, đời sống, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo vệ sức khoẻ và quyền lợi của phụ nữ. Nâng cao hiệu quả phong trào thi đua: “Phụ nữ Thủ đô tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình văn minh, hạnh phúc”, làm nòng cốt trong phong trào xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh. Phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện tốt các chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới, chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

- Hội Cựu Chiến binh tiếp tục giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội cụ Hồ”, vận động tập hợp đoàn kết các thế hệ cựu chiến binh xây dựng tổ chức Hội trong sạch, vững mạnh. Tham gia xây dựng bảo vệ Đảng, chính quyền nhân dân vững mạnh; tích cực thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội, chăm lo đời sống và các quyền lợi hợp pháp của cựu chiến binh; quan tâm giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ; làm nòng cốt trong việc giữ gìn an ninh chính trị, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công thực hiện

1.1. Ban Thường vụ Thành uỷ

Chỉ đạo các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội các cấp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Chương trình đến các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên. Hàng năm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình ở các tổ chức đảng trực thuộc, các cơ quan, đơn vị trong Thành phố; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hàng năm và tổng kết Chương trình vào năm 2015.

1.2. Ban Chỉ đạo Chương trình

Tham mưu giúp Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình. Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp uỷ trực thuộc, các sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội Thành phố; định kỳ báo cáo sơ kết, tổng

kết quả thực hiện Chương trình; tham mưu đề xuất, bổ sung các nội dung, nhiệm vụ phát sinh và giải pháp để thực hiện có hiệu quả Chương trình.

1.3. Đảng đoàn HĐND Thành phố

Chỉ đạo cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân; bố trí kinh phí để thực hiện các đề án, chuyên đề công tác theo nội dung Chương trình và xây dựng kế hoạch giám sát các cơ quan, đơn vị của Thành phố trong việc triển khai, thực hiện Chương trình.

1.4. Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố

Xây dựng kế hoạch thực hiện; cụ thể hoá các nội dung Chương trình bằng các đề án, chuyên đề, dự án đầu tư đảm bảo thực hiện Chương trình có hiệu quả thiết thực; kiểm tra kết quả thực hiện nội dung nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính quyền các cấp, định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Thành uỷ.

1.5. Các Ban Đảng Thành uỷ

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình. Nghiên cứu, tham mưu xây dựng các đề án, chuyên đề, quy chế quy định, kế hoạch công tác để cụ thể hoá mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Giúp Thành uỷ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cấp uỷ trực thuộc, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thành phố tổ chức thực hiện Chương trình; tổng hợp, nắm tình hình, tham mưu đánh giá sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện chương trình hàng năm và cuối nhiệm kỳ.

1.6. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thành phố

Xây dựng kế hoạch và các đề án, chuyên đề cụ thể để thực hiện Chương trình đạt hiệu quả cao; tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình. Tổng hợp, nắm tình hình thực tiễn để tham mưu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung, nhiệm vụ trong quá trình thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình với Ban Thường vụ Thành uỷ.

1.7. Các sở, ban, ngành Thành phố và các cấp uỷ trực thuộc Thành uỷ

- Các sở, ban, ngành Thành phố tổ chức triển khai, cụ thể hoá mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình bằng các đề án, chuyên đề, dự án, kế hoạch công tác nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình. Hàng năm đánh giá sơ kết, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện Chương trình và báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Thành uỷ.

- Các cấp uỷ trực thuộc Thành uỷ xây dựng chương trình công tác toàn khoá hoặc kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình này. Chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình với Ban Thường vụ Thành uỷ.

2. Lộ trình triển khai thực hiện

2.1. Năm 2011: Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Chương trình đến các cấp uỷ trực thuộc và các cơ quan, đơn vị trong toàn Thành phố. Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện trong cả nhiệm kỳ. Triển khai nghiên cứu, xây dựng các đề án, dự án, chuyên đề, chương trình công tác để cụ thể hoá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

2.2. Năm 2012-2014: Tập trung tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chuyên đề, kế hoạch công tác. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện Chương trình hàng năm.

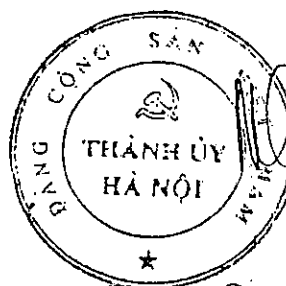
2.3. Năm 2015: Tổ chức kiểm tra, đánh giá tổng kết kết quả thực hiện Chương trình trước khi tổ chức Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng
- Văn phòng và các ban đảng
- Trung ương
- Thường trực Thành uỷ
- Đảng đoàn HĐND, Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố
- Văn phòng và các ban đảng Thành uỷ
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể CT-XH Thành phố
- Các cấp uỷ trực thuộc Thành uỷ
- Các đ/c Thành uỷ viên
- Các đ/c trong Ban Chỉ đạo Chương trình
- Tổ công tác giúp việc BCĐ CTr
- Lưu VP.

để
báo
cáo

T/M THÀNH ỦY
BÍ THƯ



Phạm Quang Nghị

CHƯƠNG TRÌNH

**Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm
và chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức
giai đoạn 2011-2015**

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (2006 - 2010)

Thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X), các nghị quyết của Thành ủy và Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010, công tác cải cách hành chính (CCHC) được xác định là nhiệm vụ trọng tâm và là khâu đột phá trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Thành phố. Thành ủy, các cấp ủy đã tập trung chỉ đạo thực hiện công tác CCHC đồng bộ, quyết liệt đạt được những kết quả quan trọng, trên một số lĩnh vực có những chuyển biến tích cực, nổi bật là:

Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các cơ quan trong hệ thống chính trị của Thành phố, đặc biệt là các cơ quan quản lý nhà nước được điều chỉnh, sắp xếp cơ bản phù hợp, hiệu quả hoạt động có chuyển biến tốt hơn. Cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được đẩy mạnh, thực hiện có nền nếp. Đã chuẩn hóa, công bố công khai, thực hiện Bộ thủ tục hành chính thống nhất trên địa bàn Thành phố theo hướng đơn giản hóa. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên, ý thức, trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân có chuyển biến tích cực. Kỷ cương, kỷ luật hành chính được tăng cường. Hạ tầng công nghệ thông tin được mở rộng, nâng cấp; ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của hệ thống chính trị các cấp ngày càng rộng rãi, có hiệu quả, từng bước xây dựng “chính quyền điện tử”. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước được quan tâm đầu tư, tạo thuận lợi cho người dân và tổ chức khi đến liên hệ và giải quyết công việc.

Những kết quả đạt được của công tác CCHC đã góp phần tích cực vào thành tựu chung của sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô.

Tuy nhiên, so với yêu cầu đề ra, công tác CCHC còn một số hạn chế, khuyết điểm chủ yếu sau:

- Tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn ở một số sở, ban, ngành và quận, huyện, thị xã chưa tinh gọn; chức năng, nhiệm vụ còn chồng chéo,

trùng lắp, nên kết quả và tiến độ giải quyết công việc còn chậm, hiệu quả thấp. Việc xử lý một số bất cập về chính sách chưa kịp thời; chất lượng, hiệu quả trong tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở một số cấp, ngành còn hạn chế.

- Một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện CCHC chậm được xử lý, như: Việc phân cấp quản lý kinh tế-xã hội, thủ tục hành chính liên thông ở các lĩnh vực quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản, giải phóng mặt bằng, lao động, thương binh và xã hội v.v...

- Phẩm chất, năng lực, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, còn biểu hiện sách nhiễu, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, nhất là những việc khó, phức tạp, nổi cộm, bức xúc.

- Việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý hành chính ở một số địa phương, đơn vị kết quả còn hạn chế. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và trụ sở làm việc của một số cơ quan hành chính còn thiếu hoặc đã xuống cấp và gặp nhiều khó khăn.

- Thực hiện CCHC trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng các hội nghị, văn bản giấy tờ chuyển biến chậm; một số cơ quan, địa phương, đơn vị còn hội họp quá nhiều, gây lãng phí thời gian và kinh phí; bệnh quan liêu, công văn giấy tờ hành chính có xu hướng tăng.

Những hạn chế, khuyết điểm trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có một số nguyên nhân chính là:

- Nguyên nhân khách quan: CCHC là công việc khó khăn, phức tạp, đụng chạm đến tư tưởng, thói quen, thậm chí đến cả lợi ích của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ. Tồn tại và hậu quả của cơ chế cũ quan liêu, bao cấp trong tư duy và hành động ở các cấp, các ngành chậm được khắc phục. Nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số địa phương, đơn vị chưa được thực hiện nghiêm túc, đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện công tác CCHC.

- Nguyên nhân chủ quan: Công tác chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện ở một số cấp, ngành chưa đồng bộ. Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự vào cuộc, chỉ đạo chưa quyết liệt, thậm chí có nơi còn khoán trắng cho cấp phó hoặc cơ quan chuyên môn. Việc thực hiện nhiệm vụ CCHC ở một số cơ quan, đơn vị cơ sở còn trì trệ, thiếu năng động, hiệu quả thấp; cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ CCHC chưa được quan tâm đúng mức. Kỷ luật, kỷ cương trong CCHC chưa nghiêm. Công tác tự kiểm tra, giám sát ở không ít cơ quan, đơn vị chưa được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với các trường hợp sai phạm còn thiếu kiên quyết. Công tác tuyên truyền hiệu quả còn hạn chế.

Những hạn chế, khuyết điểm trong công tác CCHC thời gian qua đã phần nào ảnh hưởng đến việc phát huy các nguồn lực của Thành phố để phát

triển kinh tế-xã hội, tạo ra những khó khăn, bức xúc đối với công dân, tổ chức, doanh nghiệp khi giao dịch với cơ quan công quyền.

PHẦN THỨ HAI MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011-2015

Trước yêu cầu, nhiệm vụ giai đoạn 2011-2015, Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ Thành phố tiếp tục xác định đẩy mạnh CCHC là một trong hai khâu đột phá. Kế thừa và phát huy kết quả đạt được, khắc phục hạn chế, khuyết điểm trong 5 năm qua, chủ động khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố xây dựng Chương trình *"Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm và chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2011-2015"*, như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, vì dân. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong CCHC nhằm hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống văn bản pháp quy của Thành phố; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch, giảm thiểu chi phí về thời gian và kinh phí của các tổ chức, cá nhân khi giao dịch giải quyết thủ tục hành chính. Xây dựng cơ quan hành chính các cấp thực sự trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô trong thời kỳ mới.

Trọng tâm CCHC là cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm tính công khai, minh bạch, thuận lợi cho tổ chức và cá nhân; tạo bước chuyển biến mạnh về kỷ luật, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, từ Thành phố tới cơ sở.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Duy trì và nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa tại tất cả các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, từ Thành phố tới cơ sở. 100% các thủ tục hành chính có liên quan đến tổ chức và cá nhân đều được thực hiện thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Triển khai giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống phần mềm ở tất cả các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Đào tạo 1000 công chức nguồn cho cơ sở (mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 công chức nguồn). 100% cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo vị trí chức danh.

- 100% các sở, ban, ngành, các cơ quan hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc Thành phố triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện áp dụng hệ thống ISO trong quản lý hành chính nhà nước theo mô hình, quy trình thống nhất. Đến năm 2013 hoàn thành việc đánh giá, cấp lại chứng chỉ ISO cho các đơn vị theo phiên bản ISO 9001: 2008. Đến năm 2015 có 100% các xã, phường, thị trấn hoàn thành việc triển khai, áp dụng và cấp chứng chỉ ISO 9001: 2008.

- Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý hành chính đồng bộ, thống nhất trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội. 100% các cơ quan hành chính từ cấp quận, huyện, sở, ban, ngành và tương đương trở lên có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo Điều 28 của Luật Công nghệ Thông tin, cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến tối thiểu mức độ 3 tới người dân, doanh nghiệp. Ít nhất 80% văn bản đi-đến trong giao dịch hành chính được xử lý bằng phần mềm. 100% cán bộ, công chức sử dụng phần mềm quản lý văn bản và thư điện tử trong công việc.

- Hoàn thành kế hoạch đầu tư, nâng cấp trụ sở cấp huyện, cấp xã.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Cải cách thể chế hành chính

1.1. Thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy của Thành phố; đổi mới và nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền, bảo đảm chính sách đồng bộ, đầy đủ, kịp thời, cụ thể, đúng quy định; chuẩn hoá quy trình ban hành quyết định hành chính, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành.

1.2. Tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xác định đây là khâu đột phá để tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động của tổ chức và cá nhân:

- Các thông tin về thủ tục hành chính phải được công khai đầy đủ, thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác sử dụng bằng các hình thức phong phú, thiết thực, thích hợp và có hiệu quả.

- Các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải tổ chức hướng dẫn và tư vấn miễn phí cho các tổ chức, cá nhân đến giao dịch giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, kịp thời, chính xác, không gây phiền hà trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ hành chính.

- Chỉ đạo thực hiện đồng bộ, nâng cao chất lượng, hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan: Văn phòng UBND Thành phố, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Xem xét, thí điểm mở rộng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại một số doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố có liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính.

- Đối với UBND cấp huyện, thực hiện thống nhất cơ chế một cửa, một cửa liên thông tập trung tại một đầu mối duy nhất là bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Văn phòng HĐND và UBND.

- Tiếp tục tập trung rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là thủ tục hành chính liên quan tới người dân, doanh nghiệp; gắn việc rà soát thủ tục hành chính với rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính và quy định có liên quan đến thủ tục hành chính không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính, đặc biệt là kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật.

- Rà soát, đánh giá, kịp thời bổ sung, hoàn chỉnh các cơ chế, chính sách để tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực: Đăng ký doanh nghiệp, quy hoạch, đầu tư, xây dựng cơ bản, nhà đất, lao động, thương binh và xã hội, hộ khẩu, hộ tịch...

2. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

2.1. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp. Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền của các cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc UBND Thành phố và UBND cấp huyện. Xử lý, giải quyết dứt điểm sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa một số sở và các phòng, ban, đơn vị trực thuộc một số sở. Thu gọn đầu mối các phòng, ban, đơn vị trực thuộc các cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc UBND Thành phố.

2.2. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức bộ máy và sắp xếp lại các ban quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành phố và các quận, huyện, thị xã, nhất là các đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ công ở các lĩnh vực: Đô thị, đất đai, xây dựng, quy hoạch, công thương, nông thôn, y tế, giáo dục, dạy nghề. Kiên quyết giải thể hoặc sáp nhập những đơn vị hoạt động kém hiệu quả, không có khả năng phát triển hoặc đã hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ.

2.3. Thực hiện phân công, phân cấp, ủy quyền rành mạch, hợp lý, ổn định. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế tiếp tục phân công, phân cấp, ủy quyền đối với các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn giải quyết những công việc, thủ tục hành chính mà ở cấp đó đủ điều kiện đảm nhiệm; chú trọng các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, giải phóng mặt bằng. Kết hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa phân cấp quản

lý kinh tế - xã hội với phân cấp ngân sách và phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức. Xác định rõ trách nhiệm, bảo đảm đủ các nguồn lực cần thiết để các cơ quan, đơn vị thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao. Đồng thời, có biện pháp quản lý thống nhất sau khi phân công, phân cấp, ủy quyền; thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

2.4. Thực hiện xã hội hóa, đổi mới cơ chế cung cấp dịch vụ công trong các lĩnh vực: Giao thông đô thị, vệ sinh môi trường, y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao.

2.5. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí đối với cơ quan hành chính và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Xác định đây là nội dung trọng tâm, quan trọng trong công tác CCHC, các cấp, các ngành của Thành phố cần tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức một cách đồng bộ, thực sự trong sạch, vững mạnh, có đủ phẩm chất và năng lực, tạo bước chuyển biến mạnh về phẩm chất, đạo đức, về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, về ý thức, trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao, tận tụy phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3.1. Xây dựng, ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định riêng về quản lý cán bộ, công chức (theo Luật Cán bộ, công chức) và các văn bản quy định riêng về quản lý viên chức (theo Luật Viên chức).

3.2. Xây dựng vị trí, cơ cấu, tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức ở các phòng, ban, đơn vị của các cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc UBND Thành phố, các cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc UBND cấp huyện để làm căn cứ tuyển dụng, đào tạo, bố trí sử dụng, xác định lại định mức biên chế. Chuẩn hóa chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, cán bộ nghiệp vụ chuyên ngành đáp ứng thời kỳ CNH, HĐH Thủ đô. Thực hiện giao biên chế ổn định tương ứng với thời kỳ ổn định ngân sách. Từng bước tinh giản biên chế. Có lộ trình cụ thể giảm hợp lý cấp phó của các sở, ngành, các đơn vị cấp 2, phó trưởng phòng chuyên môn của các sở, ngành và biên chế bộ phận phục vụ trong các cơ quan hành chính.

3.3. Đổi mới phương thức tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức để chọn đúng người đủ tiêu chuẩn, chuyên môn, bố trí đúng việc; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm có đủ phẩm chất, đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

3.4. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Rà soát, đánh giá, phân loại chất lượng, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cho phù hợp, thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu

nhiệm vụ của Thành phố, của từng địa phương, đơn vị trước mắt và lâu dài. Việc bố trí, phân công nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức cần bảo đảm ổn định, chuyên môn hóa; đồng thời, thực hiện điều động, luân chuyển để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng.

3.5. Tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường đào tạo nâng cao phẩm chất, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước v.v... , đặc biệt chú trọng đến đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng thực thi nhiệm vụ, công vụ phù hợp vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện đúng quy định về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành hàng năm đối với cán bộ, công chức.

3.6. Xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã bảo đảm đồng bộ, đáp ứng các yêu cầu: Đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý và chất lượng tốt; có phẩm chất, đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh, tận tụy với công việc, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt tiêu chuẩn quy định trở lên.

3.7. Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức. Nghiên cứu xây dựng cơ chế đặc thù của Thủ đô để có chính sách hỗ trợ, đãi ngộ ngoài lương hợp lý, bảo đảm ổn định đời sống đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công vụ theo quy định.

3.8. Tăng cường quản lý và kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức, viên chức; xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm, đưa ra khỏi bộ máy những người không đủ phẩm chất và năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Cải cách tài chính công

4.1. Tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp quản lý ngân sách. Thực hiện đồng bộ khoán biên chế và chi phí hành chính ở cấp xã, phường, thị trấn. Nghiên cứu điều chỉnh nâng cao mức khoán chi phí hành chính một cách hợp lý ở tất cả các cấp trong điều kiện cho phép để đáp ứng yêu cầu và khối lượng công việc ngày càng cao. Thí điểm thực hiện cơ chế cấp phát ngân sách trên cơ sở kết quả công việc theo chỉ đạo của Trung ương.

4.2. Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; chú trọng đổi mới cơ chế tài chính của các cơ sở y tế, giáo dục, đào tạo công lập theo hướng tự chủ, công khai, minh bạch; chuẩn hóa chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục.

4.3. Đổi mới cơ chế quản lý và sử dụng tài sản công thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước 100% vốn nhà nước thuộc Thành phố. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá công tác quản lý tài chính đối với các quỹ tài chính nhà nước thuộc Thành phố để nâng cao hiệu quả sử dụng các quỹ tài chính.

4.4. Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng trong quản lý tài chính công.

5. Hiện đại hóa nền hành chính

5.1. Chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ xây dựng cơ quan hành chính các cấp thực sự trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc của cơ quan hành chính thuộc Thành phố. Thực hiện các quy định về văn hóa công sở; đề cao kỷ luật, kỷ cương, nâng cao ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Giảm mạnh hội họp và giấy tờ hành chính; mở rộng việc giao ban, họp trực tuyến. Các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính được thực hiện dưới dạng điện tử. Cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc.

5.2. Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 theo tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy định mới; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức của lãnh đạo, công chức các đơn vị về hệ thống quản lý chất lượng; tăng cường kiểm tra, giám sát việc xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng.

5.3. Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và xây dựng chính quyền điện tử:

- Xây dựng chính sách đồng bộ về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan hành chính, từ Thành phố đến quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn.

- Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật thông tin bảo đảm cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị trên môi trường mạng an toàn, hiệu quả. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin (hệ thống mạng phục vụ hội nghị trực tuyến, công giao tiếp điện tử, hệ thống thông tin kinh tế-xã hội...), các cơ sở dữ liệu lớn, trước hết tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về con người, quy hoạch, tài nguyên và môi trường, tài chính, kinh tế, công nghiệp và thương mại bảo đảm tính cấu trúc, hệ thống, tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong xử lý quy trình công việc trong nội bộ cơ quan hành chính, trong giao dịch giữa các cơ quan hành chính với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân, đặc biệt là trong hoạt động cung cấp dịch vụ hành chính công đáp ứng các tiêu chí tại Quyết định số 1605/QĐ-TTg, ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và có chính sách ưu đãi nhằm đẩy nhanh phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

5.4. Hiện đại hoá công sở:

- Quy hoạch và xây dựng công sở theo hướng tập trung, từng bước hiện đại, có đủ điều kiện, phương tiện làm việc, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức khi đến liên hệ và giải quyết công việc.

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư trụ sở cấp xã trên địa bàn Thành phố. Giai đoạn 2011-2013: Đầu tư 177 trụ sở; giai đoạn 2013-2015: Đầu tư 101 trụ sở; bảo đảm đến hết năm 2015: Trụ sở các xã, phường, thị trấn cơ bản đáp ứng yêu cầu CCHC.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự chỉ đạo thực hiện đồng bộ, thống nhất của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành từ Thành phố đến cơ sở đối với công tác CCHC; bảo đảm cho công tác CCHC thực sự là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên và là khâu đột phá của Thành phố; gắn với tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

2. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên đối với công tác CCHC; đặc biệt là nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị đối với công tác CCHC. Đồng chí bí thư cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải trực tiếp chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện CCHC, trực tiếp chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả công tác CCHC ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình quản lý và địa bàn, lĩnh vực được phân công phụ trách, theo dõi.

3. Củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo CCHC các cấp. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ quan chuyên trách làm công tác CCHC:

- Ban Chỉ đạo CCHC Thành phố do đồng chí Phó Bí thư Thành ủy-Chủ tịch HĐND Thành phố làm Trưởng Ban. Ở các cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc Thành phố: Thủ trưởng đơn vị trực tiếp phụ trách công tác CCHC. Ở cấp huyện, cấp xã có Ban Chỉ đạo CCHC do đồng chí Phó Bí thư cấp ủy-Chủ tịch UBND làm Trưởng Ban. Ở mỗi ngành, mỗi cấp bố trí bộ phận cán bộ, công chức thường xuyên tham mưu, giúp việc về công tác CCHC. Bố trí đủ biên chế cán bộ, công chức chuyên trách làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp xã, UBND cấp huyện, các cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc Thành phố.

- Nâng cao trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác CCHC. Có chế độ, chính sách đãi ngộ hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở điều kiện, thẩm quyền, khả năng của Thành phố; chú trọng quan tâm đối với cán bộ, công

chức, viên chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp xã, UBND cấp huyện, các cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc Thành phố; cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt chức năng tham mưu, đề xuất, giúp việc về công tác CCHC.

4. Chỉ đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm; lựa chọn một số lĩnh vực, cơ quan, đơn vị để chỉ đạo điểm. Mỗi năm lựa chọn ít nhất một nội dung chuyên đề lĩnh vực để tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả (như các lĩnh vực: Quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch kiến trúc...). Hàng năm, đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC ở các cấp, các ngành để có những giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của khâu đột phá.

5. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, của các tổ chức, cá nhân tham gia vào tiến trình CCHC và giám sát chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp ủy, Ủy ban kiểm tra các cấp đối với công tác CCHC. Phát huy vai trò giám sát của HĐND, MTTQ và các đoàn thể nhân dân đối với việc tổ chức thực hiện công tác CCHC tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động thanh tra công vụ đối với các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức; kiên quyết xử lý kịp thời, nghiêm khắc đối với các trường hợp sai phạm. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và chịu trách nhiệm về những vi phạm trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. Cần chú trọng kiểm tra, thanh tra, giám sát trách nhiệm của đồng chí bí thư cấp ủy và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện CCHC và trách nhiệm, thái độ phục vụ của từng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ liên quan đến thủ tục hành chính.

7. Tổ chức điều tra xã hội học để đánh giá, nhận xét về trách nhiệm phục vụ của các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, trước hết là ở một số lĩnh vực trọng điểm, như: Quản lý đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch, kiến trúc, tài nguyên, môi trường, lao động, thương binh và xã hội... Bố trí camera giám sát hoạt động giao dịch tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Coi trọng tiêu chí về kết quả triển khai thực hiện CCHC trong công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

8. Tiếp tục đổi mới, nâng cao vai trò, trách nhiệm và chất lượng hoạt động của HĐND và đại biểu HĐND các cấp. Nâng cao chất lượng giám sát của HĐND trong hoạt động CCHC.

9. Củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống các cơ quan tư pháp của Thành phố.

10. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

11. Chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với công dân, tổ chức. Huy động sự tham gia có hiệu quả của nhân dân và xã hội vào hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước. Tổ chức thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, về tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

12. Bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện CCHC. Tổ chức nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm với các địa phương trong và ngoài nước. Chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo về CCHC.

PHẦN THỨ BA CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Ban Thường vụ Thành ủy:

Chỉ đạo các ban đảng của Thành ủy và Văn phòng Thành ủy làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Chương trình; kiểm tra, đôn đốc các cấp ủy trực thuộc Đảng bộ Thành phố triển khai thực hiện Chương trình.

2. Ban Chỉ đạo Chương trình:

Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình; phân công cụ thể trách nhiệm từng thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm phụ trách từng nội dung chuyên đề lĩnh vực, từng mặt công tác, từng đơn vị để triển khai, theo dõi, đôn đốc, giám sát thực hiện Chương trình; định kỳ hàng năm, tổ chức kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Thành ủy; định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc chỉ đạo thực hiện Chương trình; trong quá trình thực hiện cần nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp để báo cáo Thành ủy xem xét, quyết định kịp thời.

3. Đảng đoàn HĐND Thành phố:

Lãnh đạo thể chế hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Chương trình của Thành ủy thành nghị quyết HĐND Thành phố và xây dựng kế hoạch giám sát các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố thực hiện Chương trình.

4. Ban cán sự đảng UBND Thành phố:

Lãnh đạo thể chế hóa Chương trình của Thành ủy, Nghị quyết của HĐND Thành phố thành kế hoạch tổ chức thực hiện của UBND Thành phố; phân công đồng chí Chủ tịch UBND trực tiếp chỉ đạo công tác CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy và cán bộ; phân công nhiệm vụ cụ thể

đối với các thành viên Ban Cán sự và lãnh đạo các sở, ban, ngành chủ trì triển khai từng nội dung công tác CCHC.

5. Các ban đảng của Thành ủy và Văn phòng Thành ủy:

Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình ở đơn vị mình; theo trách nhiệm được phân công, phối hợp triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Chương trình ở các Đảng bộ trực thuộc Thành ủy.

6. Các quận, huyện, thị ủy và đảng ủy trực thuộc Thành ủy, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể Thành phố:

Triển khai, phổ biến, quán triệt, tuyên truyền vận động thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai Chương trình phù hợp với tình hình thực tiễn của cấp ủy và nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Ban Chỉ đạo Chương trình để tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy.

II. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Năm 2011: triển khai quán triệt và xây dựng kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình; phân công xây dựng, triển khai các đề án, chuyên đề.

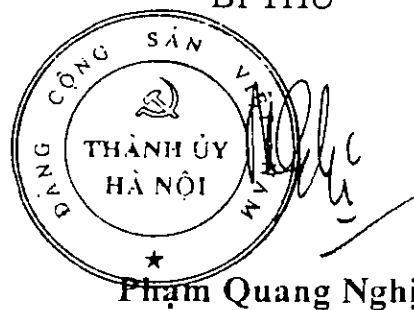
2. Năm 2012-2014: Tiếp tục chỉ đạo thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung của Chương trình, trọng tâm là triển khai thực hiện các đề án, chuyên đề; tăng cường kiểm tra; sơ kết rút kinh nghiệm công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình.

3. Năm 2015: tổng kết, đánh giá kết quả Chương trình.

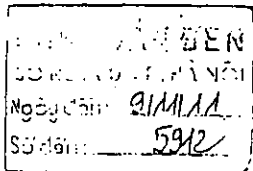
Nơi nhận

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Các Ban đảng TW;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Đảng đoàn HĐND; BCS Đảng UBND TP;
- Các Ban Đảng và Văn phòng TU;
- Các sở, ngành, MTTQ và các đoàn thể CT-XH Thành phố;
- Các cấp ủy đảng trực thuộc Thành ủy;
- Các đồng chí Thành ủy viên;
- Các đồng chí trong BCD Chương trình;
- Tổ công tác giúp việc BCD Chương trình;
- Lưu VT.

T/M THÀNH ỦY
BÍ THƯ



Phạm Quang Nghị



CHƯƠNG TRÌNH

Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng,
thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giải đoạn 2011 - 2015

I. ĐÁNH GIÁ, KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH, THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG, THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG NHIỆM KỲ 2005 - 2010 CỦA ĐẢNG, BỘ THÀNH PHỐ

1. Một số kết quả nổi bật về công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Trong nhiệm kỳ qua, nhất là từ khi thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/TU, ngày 20/11/2006 của Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chất lượng công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Thành phố đã được nâng lên; được xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm, Thành phố đã gắn công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với công tác xây dựng và chỉnh đốn đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp, tăng cường tiếp công dân và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Thành phố đã tập trung nghiên cứu, từng bước hoàn thiện các cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế, xã hội để phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã ban hành 217 văn bản; trong đó lĩnh vực đầu tư 15 văn bản, lĩnh vực xây dựng 15 văn bản, lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai 55 văn bản, lĩnh vực tài chính, thuế 74 văn bản, lĩnh vực văn hóa xã hội 28 văn bản. Đã tiết kiệm chi thường xuyên đối với đơn vị hành chính sự nghiệp từ năm 2007 đến 2010 được 1994,1 tỉ đồng.

Thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Thành phố và thành lập Văn phòng giúp việc cho Ban chỉ đạo hoạt động có hiệu quả... Công tác rà soát, đánh giá, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị từng bước theo hướng nâng cao trách nhiệm, năng lực, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ cần, kiệm, liêm, chính. Từng bước thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và việc kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc các đối tượng phải kê khai theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng cơ bản đúng quy định.

Ủy ban Kiểm tra, Thanh tra nhà nước các cấp cùng các cơ quan chức năng đã tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền và trực tiếp tổ chức thực hiện nhiều cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra tập trung vào các lĩnh vực, như: quản lý, sử dụng đất đai, ngân sách, các dự án đầu tư, công tác quản lý thị trường, cải cách hành chính, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân ...v.v. Qua kiểm tra, thanh tra đã phát hiện được nhiều sai phạm và sơ hở trong cơ chế chính sách để chấn chỉnh kịp thời,

xử lý kỷ luật 64 đảng viên, trong đó có 13 đảng viên là cấp ủy viên các cấp có hành vi tham nhũng, lãng phí. Các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Toà án đã tăng cường điều tra, truy tố, xét xử nhiều vụ án tham nhũng kịp thời, nghiêm minh, đã góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa vi phạm, tội phạm tham nhũng (từ tháng 11/2006 đến 5/2011 đã truy tố trước pháp luật về tội danh tham nhũng 93 vụ, với 215 bị can).

2. Những tồn tại, yếu kém trong công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí còn thấp chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn và sự mong đợi của Đảng bộ và nhân dân Thủ đô. Nhận thức và ý thức trách nhiệm của một số cấp ủy, một bộ phận cán bộ, đảng viên về công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa thật đầy đủ, thiếu sâu sắc. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn lỏng lẻo, tính tiên phong gương mẫu, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu chưa được phát huy; một số chi, đảng bộ chưa thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, đấu tranh tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng để ngăn ngừa vi phạm; việc phát hiện tham nhũng, lãng phí trong nội bộ các cơ quan, đơn vị còn hạn chế; một số cán bộ, đảng viên, chuyên viên còn lợi dụng vị trí công tác để trục lợi, tiêu cực. Nhất là trên các lĩnh vực: quản lý nhà nước về đất đai, phê duyệt dự án, đầu tư xây dựng cơ bản, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, quản lý thị trường, thuế, giao thông, kể cả trong y tế, giáo dục. Tình trạng lãng phí trong đầu tư xây dựng, sử dụng tài sản công, tổ chức hội họp, các ngày kỷ niệm, khởi công, khánh thành công trình... còn diễn ra ở nhiều ngành, nhiều cấp, việc dư, việc tang của một số gia đình cán bộ, đảng viên không thực hiện theo nếp sống mới, còn phô trương hình thức gây bất bình trong xã hội.

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng tham nhũng, lãng phí là do:

- Một số cấp ủy, chính quyền các cấp chưa quan tâm đầy đủ đến công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chưa gương mẫu, thiếu quyết liệt đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức, có quyền trong hệ thống chính trị chưa được kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh. Chính sách phân phối thu nhập, mức lương của cán bộ, công chức hiện nay còn bất hợp lý so với nhu cầu tối thiểu của cuộc sống.

- Còn nhiều sơ hở, bất hợp lý của cơ chế chính sách và sự lỏng lẻo trong công tác quản lý tạo cơ hội cho những cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất lợi dụng để tham ô, tham nhũng, tạo ra những đặc quyền đặc lợi. Đặc biệt là những tiêu cực được bắt nguồn từ cơ chế xin – cho và thiếu công khai, minh bạch.

- Các biện pháp, giải pháp phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thiếu tính đồng bộ, công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội còn ít, trong khi đó hành vi tham nhũng, lãng phí hết sức tinh vi. Các cơ quan có chức năng chống tham nhũng lực lượng còn quá mỏng,

năng lực, bản lĩnh, quyết tâm của một số cán bộ còn hạn chế; các hình thức xử lý hành vi tham nhũng, lãng phí chưa đủ nghiêm để răn đe và giáo dục chung. Các giải pháp khuyến khích, tôn vinh, khen thưởng, cũng như bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí còn thiếu đồng bộ, hiệu quả thấp.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Mục tiêu

1.1. Nâng cao nhận thức vị trí, vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng và hệ thống chính trị trong phòng ngừa và đấu tranh đẩy lùi tham nhũng, lãng phí; xây dựng tổ chức Đảng, các cơ quan nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, tạo bước chuyển biến mạnh để giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội XV của Đảng bộ Thành phố và đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết TW3 khoá X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức có năng lực, phẩm chất liêm chính đáp ứng nhiệm vụ được giao; thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí và các hành vi cản trở, trù dập người chống tiêu cực để giữ vững kỷ cương pháp luật Nhà nước.

1.3. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan chức năng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra công vụ để kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; kịp thời điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh các vụ án tham nhũng theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Các cấp ủy đảng phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống chính trị và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các tổ chức đảng phải giữ vững vai trò là hạt nhân chính trị. Người đứng đầu các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân từ Thành phố đến cơ sở phải trực tiếp chỉ đạo và gương mẫu đi đầu trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình. Tạo chuyển biến mạnh về nhận thức, trách nhiệm trong mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân Thủ đô đối với công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; coi đó là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài.

2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tổ chức quán triệt, học tập, xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ Thành phố, gắn với thực hiện Nghị quyết TW3 (Khoá X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Luật phòng, chống tham nhũng, Luật

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân Thủ đô về công tác phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Gắn công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đề cao trách nhiệm và nêu gương của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị để giáo dục và xây dựng đức tính liêm chính cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Chủ động phối hợp với các cơ quan báo chí của Trung ương và Thành phố để kịp thời đưa tin biểu dương những người dũng cảm đấu tranh chống các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; cung cấp đầy đủ thông tin chính xác, kịp thời cho các cơ quan báo chí để công khai các vụ việc tham nhũng, lãng phí được phát hiện và xử lý, phục vụ yêu cầu giáo dục và phòng ngừa chung.

2.3. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và công khai, minh bạch các cơ chế, chính sách để phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, đảm bảo tính công khai, minh bạch đối với các hoạt động về kinh tế, xã hội; đặc biệt là lĩnh vực quy hoạch, đất đai, tài chính, dự án đầu tư, công tác cán bộ, như đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức...

Ban cán sự Đảng Uỷ ban nhân dân Thành phố căn cứ vào các quy định của pháp luật để chỉ đạo các sở, ngành chức năng của Thành phố rà soát nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, định mức, tiêu chuẩn tập trung vào các lĩnh vực: tài chính, quản lý và sử dụng đất đai, quy hoạch, cấp phép đầu tư dự án, cấp phép xây dựng, quản lý xây dựng cơ bản, hoạt động mua sắm công, cổ phần hoá doanh nghiệp, thuế, quản lý thị trường ...; tăng cường phân cấp và xây dựng cơ chế giám sát việc thực hiện theo phân cấp, nghiên cứu xã hội hoá từng bước các hoạt động dịch vụ công.

Chỉ đạo sở Thông tin và truyền thông thường xuyên cập nhật thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời các văn bản pháp luật, quy phạm pháp luật của Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương và Thành phố, các thủ tục hành chính, các quy trình ISO lên cổng giao tiếp điện tử của Thành phố, cũng như trên các Website của các sở, ngành Thành phố, nhất là quy hoạch chung Thủ đô, quy hoạch phân khu, quy hoạch ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, danh mục các dự án... để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân biết và giám sát.

Có cơ chế quản lý chặt chẽ tài chính, tài sản công, các dự án đầu tư nói chung và dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT nói riêng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án để tránh thất thoát, lãng phí về thời gian và các nguồn lực đầu tư. Đồng thời, thực hành tiết kiệm trong khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên, năng lượng và trong tiêu dùng của các cơ quan, đơn vị và từng người dân, với tinh thần tiết kiệm để xây dựng Thủ đô Hà Nội.

Tăng cường phân cấp hợp lý, đổi mới công nghệ quản lý, hoàn thiện chế độ công vụ, công chức, nâng cao chất lượng thực thi công vụ; xây dựng chế độ trách

nhiệm của cán bộ lãnh đạo quản lý khi đề xảy ra tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, đơn vị do mình phụ trách. Nghiêm túc thực hiện triệt để chính sách tiết kiệm, không tổ chức mời khách ngoài cơ quan đề gặp mặt nhân ngày truyền thống hàng năm (trừ năm chẵn theo quy định của Trung ương); khi tổ chức đón nhận Huân chương, khai trương, động thổ, khánh thành, gắn biển kỷ niệm..., phải thực hành tiết kiệm, tránh phô trương hình thức gây lãng phí. Giao Ban cán sự đảng UBND Thành phố chỉ đạo các ngành chức năng đề cụ thể hoá nội dung này.

2.4. Đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố có năng lực, trình độ, tận tụy, liêm chính

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và công tác cán bộ, tập trung rà soát rút ngắn thời gian, đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý, trước mắt tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực như: đất đai, tài chính, đầu tư dự án, quản lý trật tự xây dựng đô thị... phải có quy chế đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng trong các hoạt động kinh tế, xã hội của các cơ quan, tổ chức. Thực hiện triệt để việc giải quyết thủ tục hành chính theo nguyên tắc "một cửa", "một cửa liên thông".

Rà soát, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn trong các lĩnh vực quản lý nhà nước để sắp xếp cho phù hợp, rõ trách nhiệm, tránh trùng chéo. Đẩy mạnh phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, nâng cao tính tự chủ, tính chuyên nghiệp của bộ máy công quyền.

Đổi mới phương pháp đánh giá, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ đảm bảo hợp lý giữa trình độ được đào tạo và năng lực hoạt động thực tiễn, xây dựng đội ngũ cán bộ cần kiệm, liêm chính. Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý theo hướng thi tuyển công khai (thí điểm ở các sở, ngành) nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tệ chạy chức, chạy quyền; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ chuyên môn theo Nghị định số 158/NĐ-CP, ngày 27/10/2007 của Chính phủ. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong cơ quan, đơn vị khi đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu, sử dụng cán bộ cấp dưới của mình.

Tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên và gia đình cán bộ, đảng viên trong phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là một trong các tiêu chí để đánh giá, xem xét đề bạt, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cương vị cao hơn.

2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra trong các hoạt động kinh tế, xã hội để phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại, xử lý kịp thời các đơn khiếu nại, tố cáo của công dân về tham nhũng, lãng phí. Những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tham nhũng, thiếu trách nhiệm gây lãng phí đến tài sản nhà nước; có hành vi bao che khuyết điểm, sai phạm, trù dập người tố cáo đúng phải được xử lý nghiêm và bố trí công tác khác để bảo vệ người tố cáo đúng, đồng thời kiên quyết xử lý đối với những người lợi dụng dân chủ để bịa đặt, cố tình tố cáo sai sự thật với động cơ xấu nhằm bôi nhọ làm hạ uy tín cán bộ, đảng viên.

Cấp ủy các cấp khi xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm phải chú trọng đối với lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời chỉ đạo các cơ quan kiểm tra, thanh tra nhà nước cấp mình, giám sát ngay từ đầu một số dự án đầu tư trọng điểm để phòng ngừa tham nhũng, lãng phí và chỉ đạo xử lý nghiêm đối với những hành vi tham nhũng, lãng phí đã được kết luận rõ để giáo dục chung.

Khi phát hiện các hành vi tham nhũng đến mức phải xử lý bằng pháp luật, phải chỉ đạo các cơ quan nội chính khẩn trương điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, công bố công khai để củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng về quyết tâm trừng trị những hành vi tham nhũng trước pháp luật.

Hội đồng nhân dân các cấp phải có kế hoạch thường xuyên hàng năm và tăng cường giám sát các cơ quan nhà nước về hoạt động kinh tế, xã hội ở địa phương theo thẩm quyền để phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, lãng phí chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp chặt chẽ để tiến hành kiểm tra, thanh tra, kiểm toán các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm như quản lý và sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, thu, chi ngân sách, thuế, mua sắm công; các kết luận phải quy rõ trách nhiệm của cá nhân, tập thể để thất thoát tài chính, tài sản của Nhà nước, kiên quyết thu hồi tài sản đã bị thất thoát. Nơi nào dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức đó phải chịu trách nhiệm liên đới, đồng thời phải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc thu hồi tài sản bị thất thoát và kiên quyết xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm theo thẩm quyền.

2.6. Nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan có chức năng trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện và chỉ đạo Ban chấp hành Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố, các cấp ủy trực thuộc thực hiện việc luân chuyển cán bộ giữa các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể để đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn đội ngũ cán bộ Ủy ban kiểm tra, thanh tra nhà nước các cấp có đủ năng lực, trình độ và bản lĩnh đáp ứng được yêu cầu, nâng cao chất lượng công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Đổi mới hoạt động của Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Thành phố theo hướng tinh gọn, hiệu quả, thành viên tham gia Ban chỉ đạo phải gắn với một nhóm các nhiệm vụ cụ thể. Nâng cao năng lực tham mưu, tổng hợp của Cơ quan Văn phòng Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Thành phố để thường xuyên giúp Ban chỉ đạo sơ, tổng kết, đánh giá kết quả phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Thành phố nhằm kịp thời đưa ra các giải pháp phù hợp để chấn chỉnh, uốn nắn và nâng cao chất lượng công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Thành phố.

Tăng cường đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện điều kiện làm việc cho các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, lãng phí, như: Ủy ban kiểm tra, Thanh tra, Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án các cấp, Văn phòng Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Thành phố để nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ

phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi của quá trình phát triển kinh tế xã hội.

Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, phối hợp với các cơ quan ngành dọc cấp trên để củng cố, kiện toàn bộ máy, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các ngành nội chính, phục vụ có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

2.7. Tăng cường phối, kết hợp giữa các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp đã được Ban Thường vụ Thành uỷ khoá XIV ban hành giữa Ủy ban Kiểm tra Thành uỷ với Đảng uỷ Công an Thành phố, Ban cán sự Đảng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Ban cán sự đảng Toà án nhân dân Thành phố, Thanh tra Thành phố, Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Thành phố trong việc kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng để nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Ủy ban Kiểm tra các cấp chủ trì phối hợp với các ngành trong khối nội chính giúp cấp ủy chỉ đạo xem xét, kết luận và xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên có hành vi tham nhũng, lãng phí và vi phạm kỷ luật của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng; chỉ đạo đồng bộ giữa xử lý kỷ luật của Đảng với kỷ luật của chính quyền và kỷ luật của các đoàn thể về những sai phạm của tổ chức và cán bộ, đảng viên, công chức, đồng thời công khai kết quả xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với những vụ việc gây bức xúc dư luận.

Các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Toà án bố trí đủ lực lượng và tăng cường công tác phối hợp để đẩy nhanh quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với mọi hành vi tham nhũng, lãng phí đảm bảo tính kịp thời và nghiêm minh trước pháp luật.

2.8. Phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Xây dựng cơ chế để khuyến khích nhân dân, phát huy ý thức làm chủ tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chủ động, tích cực, hăng hái tham gia giám sát hoạt động của các tổ chức đảng, các cơ quan trong bộ máy Nhà nước, tổ giác hành vi tham nhũng, lãng phí với các cơ quan chức năng.

Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Thành phố chủ trì cùng các ngành chức năng của Thành phố xây dựng, đề xuất cơ chế bảo vệ người tố cáo tham nhũng, lãng phí, người trực tiếp đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và gia đình họ; ban hành hướng dẫn cụ thể hóa về cơ chế tài chính để khen thưởng những người dũng cảm, có thành tích xuất sắc trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Ủy ban Mặt trận tổ quốc và ủy ban nhân dân các cấp từ Thành phố đến cơ sở xây dựng quy chế phối hợp và hướng dẫn các đoàn thể nhân dân tham gia giám sát cán bộ, đảng viên sinh hoạt nơi cư trú, nhất là những người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp nhằm thúc đẩy phòng ngừa tham nhũng, lãng phí tại địa phương, cơ quan, đơn vị; chủ trì cùng các ngành có liên quan trong phong trào vận động nhân

dân thực hiện nếp sống văn hoá trong tổ chức lễ hội, việc cưới, việc tang nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Cải tiến và nâng cao chất lượng việc lấy phiếu tín nhiệm người đứng đầu ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân các xã, phường, thị trấn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành ủy yêu cầu các cấp ủy và Ban cán sự Đảng, đảng đoàn trực thuộc, các sở, ban, ngành, đoàn thể của Thành phố căn cứ nội dung Chương trình này, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương, đơn vị, tổ chức mình xong trong Quý IV/2011 báo cáo kết quả về Thành ủy (qua Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Thành phố) để tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

2. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, các ban Đảng và Văn phòng Thành ủy căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình để tham mưu giúp Ban Thường vụ Thành ủy và Ban chỉ đạo Chương trình để thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Chương trình này.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố có kế hoạch tăng cường giám sát các lĩnh vực kinh tế, xã hội và việc thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với UBND Thành phố và các cơ quan của Thành phố.

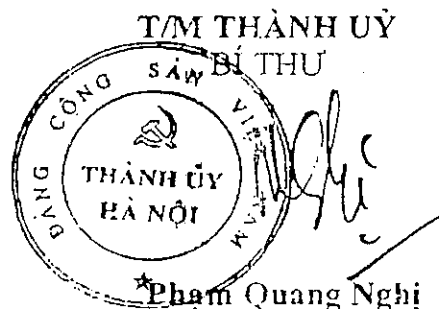
4. Ban cán sự đảng UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc phạm vi quản lý xây dựng các văn bản cụ thể hóa để triển khai thực hiện, đồng thời thường xuyên chỉ đạo giải quyết kịp thời các kiến nghị của cử tri, các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy kết quả trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để chỉ đạo hệ thống Mặt trận Tổ quốc từ Thành phố đến cơ sở, phối hợp với các đoàn thể quần chúng tổ chức thực hiện chương trình; tăng cường thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và thực hiện giám sát tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, công chức sinh hoạt ở nơi cư trú; phổ biến Chương trình hành động của Thành ủy tới các thành viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân Thủ đô.

6. Giao Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí Thành phố tham mưu giúp Ban Thường vụ Thành ủy tiến hành kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố trong việc tổ chức thực hiện Chương trình này và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm với Thành ủy vào thời điểm tổng kết công tác xây dựng Đảng của Thành ủy cuối năm./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW;
 - BCĐ TW về P, CTN;
 - Các ban đảng TW, Văn phòng TW;
 - Các đ/c Thành ủy viên;
 - Các BCS đảng, Đảng đoàn thuộc TU;
 - Các quận, huyện, thị ủy; Các ĐUTT;
 - Các sở, ban, ngành thuộc TP;
 - Lưu VPTU.
- (để b/c)



TÀI LIỆU ÔN TẬP THI TUYỂN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2011

MÔN NGOẠI NGỮ (Tiếng Anh)

PHẦN A: DẠNG ĐỀ THI

Chủ đề gợi ý cho các bài đọc hiểu: Cuộc sống hàng ngày, Công việc, Các hoạt động giải trí, Thủ đô Hà Nội, Giao thông, Môi trường, Các thành tựu khoa học...

Trình độ A (Thời gian làm bài: 60 phút)

Bài 1. Chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống (Choose the best option to complete the given sentence): 25 điểm (10 câu)

Bài 2. Đọc đoạn văn, chọn một đáp án đúng trong những phương án cho sẵn điền vào chỗ trống (Read the paragraph, choose the best option to fill into the blank): 15 điểm (5 từ)

Bài 3. Đọc đoạn văn, chọn đáp án đúng trả lời câu hỏi (Read the paragraph, choose the best option to answer the given question): 20 điểm (5 câu)

Bài 4. Dùng từ/cụm từ gợi ý viết thành câu có nghĩa (Use suggested words/phrases to make a meaningful sentence): 20 điểm (5 câu)

Bài 5. Sắp xếp từ/cụm từ ngắn cho sẵn thành câu có nghĩa (Rearrange given words/phrases to make a meaningful sentence): 20 điểm (5 câu)

Cấu trúc gợi ý cho Bài 4, 5

1. - How much + be + noun?/ How much + do/does + noun cost?
 - show the way to/ how to get to
 - S + be + adj + noun./ S + V + adverb.
 - There + be + noun.
 - S + be + adj + pre. + V./ S + V + adverb.
 - What + adj + noun!/ How + adj + S + be!
 - How + adv + S + V!
2. - spend time + V-ing / It takes/took smb + time + to-V
 - S + V + because/ so that + S + V / S + V + to-V
 - remember to-V / don't forget to-V
 - like to-V/ V-ing / be fond of/ keen on + V-ing
 - want smb to do smt / have smb do smt
 - To- V/ gerund + be + adj. / It's + adj + to-V.
3. - so... that / such + noun
 - too + adj/adv + to-V
 - adj/adv + enough + to-V
4. - S + Past Continuous + while + S + Past Continuous.
 - S + Past Simple when S + Past Continuous.
5. Conditional sentences:
 - If S1 + Present Simple, S2 + Future Simple .

6. Affirmative Passive of these tenses: Present Simple, Past Simple

7. Comparison:

- S1 + as + adj/adv + as S2.
- S1 + comparative adj/adv than + S2

Trình độ B (Thời gian làm bài: 90 phút)

Bài 1. Chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống (Choose the best option to complete the given sentence): 30 điểm (15 câu)

Bài 2. Đọc đoạn văn, chọn một đáp án đúng trong những phương án cho sẵn điền vào chỗ trống (Read the paragraph, choose the best option to fill into the blank): 15 điểm (5 từ)

Bài 3. Đọc đoạn văn, chọn đáp án đúng trả lời câu hỏi (Read the paragraph, choose the best option to answer the given question): 15 điểm (5 câu)

Bài 4. Dùng từ/cụm từ gợi ý viết thành câu có nghĩa (Use suggested words/phrases to make a meaningful sentence): 15 điểm (5 câu)

Bài 5. Sắp xếp từ/cụm từ ngắn cho sẵn thành câu có nghĩa (Rearrange given words/phrases to make a meaningful sentence): 25 điểm (10 câu)

Cấu trúc gợi ý cho Bài 4, 5

1. - How much + be + noun?/ How much + do/does + noun cost?
 - show the way to / how to get to
 - S + be + adj + noun. / S + V + adverb. - S + be + adj + pre. + V.
 - What + adj + noun!/ How + adj + S + be! / How + adv + S + V!
2. - spend time + V-ing / It takes/took smb + time + to-V
 - S + V + because/ so that + S + V.
 - remember to-V / don't forget to-V
 - like to-V/ V-ing / be fond of/ keen on + V-ing
 - let smb do smt / allow smb to do smt
 - want smb to do smt / have smb do smt
 - have smb do smt / have smt done
 - advise smb to do smt / suggest doing smt
 - prefer doing smt to doing smt
 - to be used to V-ing
 - It's + adj + to-V.
3. - so... that / such + noun - too + adj/adv + to-V
 - adj/adv + enough + to-V
4. - S + Past Continuous + while + S + Past Continuous.
 - S + Past Simple when S + Past Continuous.
 - Combine sentences by using relatives: who, whom, which
5. Conditional sentences:
 - If S1 + Present Simple, S2 + Future Simple .
 - If S1 + Past Subjunctive, S2 + would/wouldn't + V.
 - If S1 + had/hadn't PII, S2 + would/wouldn't have PII.

6. Affirmative Passive of these tenses: Present Simple, Past Simple, Future Simple

7. Comparison:

- S1 + as + adj/adv + as S2.
- S1 + comparative adj/adv than + S2.
- S + superlative adj/adv.

PHẦN B: GỢI Ý NỘI DUNG ÔN TẬP TIẾNG ANH

I. Trình độ A (Elementary)

I.1. Category:

I.1.1. Verbs and verb forms (Động từ và dạng của động từ)

I.1.1.1 Verbs:

- to be: được chia ở các thì khác nhau.

Ví dụ:

* Hiện tại đơn giản:

- I am.....
- He/She/It/ DT số ít/DT k đếm được/Everybody/Nothing... + is....
- We/You/They/ Danh từ số nhiều + are....

* Quá khứ đơn giản:

- I/ He/She/It/ Danh từ số ít/DT k đếm được... + was....
- We/You/They/ Danh từ số nhiều + were...

- to V (động từ thường)

Ví dụ:

* Hiện tại đơn giản:

I/ We/You/They/ DT số nhiều + V/ don't V...

He/She/It/ DT số ít/DT k đếm được... + V-s/V-es/doesn't + V.

I.1.1.2 Modal verbs: (Động từ khuyết thiếu) Sau các động từ khuyết thiếu, các động từ khác được dùng ở dạng nguyên thể không có "to"

Ví dụ:

- Ability: I/ She/... can/ cannot/could/ couldn't + V;
- Request: Can you + V?
- Permission: Can I + V?
- Polite request: Could/Would you + V?
- Offer: Will/ Shall we + V?
- Advice: You should/shouldn't + V.
- Possibility: S + may/might + V.
- have to/ has to/ don't have to/ doesn't have to + V: có trách nhiệm phải làm một việc gì đó.
- Obligation: must + V (bắt buộc phải làm một việc gì đó)
- Prohibition: mustn't + V (cấm làm một việc gì đó)

I.1.1.3 Forms of verb (Các dạng của động từ)

- Imperatives (Mệnh lệnh thức: Yêu cầu ai đó làm việc gì đó): V.../Don't + V....

Ví dụ: Do your work, (please)/ Don't smoke here.

- Infinitives (*with and without to*) after verbs and adjectives

Ví dụ: help smb + V, want + to-V...

- Gerunds (*-ing* form) after verbs and prepositions

Ví dụ: like + V-ing, be interested in + V-ing...

- Gerunds as *subjects and objects* (V-ing có thể làm chủ ngữ hoặc tân ngữ trong câu)

Ví dụ: Swimming is good for our health.

- Passive forms: *present and past simple* (hiện tại phân từ: V-ing và quá khứ phân từ: V-ed)

I.1.2. Nouns (Danh từ)

- Singular and plural (*regular and irregular forms*) Danh từ số ít; Danh từ số nhiều

- some/any + danh từ không đếm được (milk, rice, sugar...)/ danh từ đếm được số nhiều

- Compound nouns: Danh từ ghép

- Possessive case with 's & s'

Ví dụ: - This is Lan's house. - These students' performance is good.

I.1.3. Adjectives (Tính từ):

- Các tính từ dùng để miêu tả về màu sắc, kích thước, quốc tịch... thường được dùng sau động từ to be/ trước danh từ trong một ngữ danh từ...

Ví dụ: They are *Vietnamese*.

The shirt is *blue*.

It is a *blue* shirt.

- Cardinal and ordinal numbers: Số đếm và số thứ tự

- Tính từ sở hữu (Possessive): luôn luôn đứng trước các danh từ để chỉ sở hữu như cái gì của ai...

I → *my*, You → *your*, We → *our*, He → *his*, She → *her*, It/danh từ số ít → *its*, They/danh từ số nhiều → *their* ... etc

- Quantitative: *some, any, many, much, a few, a lot of, all other, every, etc.*

- Comparative, equality and superlative (regular and irregular)

- (*not*)...*enough to-V, too...to-V*

- *-ing/ -ed*

I.1.4. Adverbs (Trạng từ)

- Regular and irregular forms

- Manner: chỉ cách thức của hành động (*quickly, carefully, etc.*)

- Frequency: chỉ mức độ thường xuyên (*often, never, twice a day, etc.*)

- Definite time (*already, just, yet, etc.*)

- Degree: mức độ (*very, too, rather, etc.*)
- Place: nơi chốn (*here, there, etc.*)
- Sequence (*first, next, etc.*)
- sentence adverbs: *too, either, etc.*
- Comparative and superlative forms: so sánh hơn và so sánh hơn nhất (regular and irregular)

I.1.5. Pronouns (Đại từ)

- Personal (*subject, object, possessive*)
Ví dụ: - *He* is a teacher. - She loves *him*. - This is my photo and that's *hers*.
- Reflexive and emphatic: đại từ phản thân (*myself, herself... etc.*)
- Impersonal: *it, there*
- Demonstrative: *this, that, these, those*
- Indefinite: *one, something, everybody, some, any, something, one, etc.*

I.1.6. Articles: (Mạo từ/Quán từ)

- *a/an* + countable nouns
- *the* + countable/ uncountable nouns

I.1.7. Prepositions (Giới từ):

- Location: vị trí (*to, on, inside, next to, at (home), etc.*)
- Time: thời gian (*at, on, in, during, etc.*)
- Direction: phương hướng (*to, into, out of, from, etc.*)
- Instrument: phương tiện (*by, with*)
- Prepositions following:
 - * adjectives: afraid *of*, interested *in*...
 - * verbs: laugh *at*, ask *for*, *etc.*

I.1.8. Connectors (Từ nối):

- and, but, or
- when, while, until, before, after, as soon as
- where
- because, since, as, for
- if
- although, while

I.1.9. Interrogatives: (Từ để hỏi)

- What, What (+ noun)
- Where, When
- Who, Whose, Which
- How; How much; How many; How often; How long; etc

- Why

(including the interrogative forms of all tenses and modal verbs listed)

I.2 Tenses: (Các thì/thời)

- Present simple: *states, habits*

- Present continuous: *future plan and activities, present actions*

- Present perfect simple:

* recent past with *just*

* indefinite past with *yet, already, never, ever*

* unfinished past with *for, since*

- Past simple: *past events*

- Future with *going to*

- Future with *will* and *shall*

I.3 Conditional sentences: (Câu điều kiện)

- Type zero: If + present simple, present simple

- Type 1: If + present simple, future simple

I.4 Reported speech: (Câu tường thuật gián tiếp)

- Statements, questions and commands: *say, ask, tell*

II. Trình độ B: (Pre- Intermediate)

Bao gồm nội dung đã nêu ở phần Trình độ A và các ngữ pháp quy định dưới đây:

II.1. Modal verbs: The idiomatic use of: *would, should, may, might, had better (not), would rather (not)*

II.2. Tenses:

- Past continuous, future perfect, present perfect continuous;

- Past perfect

II.3. Passive voice (advanced level):

- Prepositional and phrasal verbs in the passive

II.4. Conditional sentences:

- Type 2: If S1 + Past Subjunctive, S2 would/wouldn't + V.

- Type 3: If S1 + had/hadn't PII, S2 would/wouldn't have PII.

- Conditional in reported speech

II.5. Relative clauses:

- defining, non-defining *where, when, why and as* in relative clauses

II.6. Verb Patterns:

- Gerunds after *prepositions, prepositional verbs, and phrasal verbs*

- Verbs followed by *the gerund*

- Verbs followed by *an infinitive*

- Verbs followed by *a noun + present participle*

II.7. Reported speech:

- Yes/No/Wh- questions, Order/Commands.

TÀI LIỆU ÔN TẬP THI TUYỂN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2011

MÔN TIN HỌC

I/ PHẦN HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

1. Công dụng của các nhóm biểu tượng cơ bản trong màn hình nền (Desktop)

Menu Start: liệt kê các chương trình ứng dụng trong máy tính

Taskbar: theo dõi các chương trình đang sử dụng

My Computer: làm các công việc (cài đặt, bổ sung, quản lý) thuộc máy tính cá nhân

My Network Places: Trao đổi thông tin với các máy tính khác trong mạng

Internet Explorer: Truy cập, tìm kiếm và xem thông tin trên các trang WEB

Recycle Bin: cho phép phục hồi lại các tệp đã xóa.

2. Thao tác với màn hình nền Desktop và trong My Computer

Tạo một Folder hoặc 1 shortcut

Di chuyển một File, Folder hoặc 1 shortcut

Sao chép một File, Folder hoặc 1 shortcut

Đổi tên một File, Folder hoặc 1 shortcut

Đặt thuộc tính cho một File, Folder hoặc 1 shortcut

Sắp xếp các File, Folder hoặc shortcut

Xoá một File, Folder hoặc 1 shortcut

3. Các thao tác khác

Chuyển đổi qua lại giữa các ứng dụng trong Windows

Chọn nhiều file liên tục trong danh sách file

Chọn nhiều file không liên tục trong danh sách file

Thu nhỏ hoặc phóng to cửa sổ ứng dụng

Thoát khỏi một chương trình ứng dụng

Bật, tắt máy tính đúng cách

II/ PHẦN WINWORD:

1. Các thao tác soạn thảo văn bản:

- Tạo mới file văn bản

- Ghi file văn bản

- Cắt dán, Copy đoạn văn bản

- Các thao tác di chuyển con trỏ trong file văn bản

- Mở, đóng file văn bản

- Đánh số trang

2. Chèn nội dung vào văn bản:

- Chèn ký hiệu đặc biệt, đồ thị, hình ảnh

3. Tìm kiếm và thay thế từ, cụm từ

4. Lập bảng biểu:

- Tạo một bảng mới;
- Các thao tác với bảng biểu;

5. Định dạng văn bản: căn lề, chọn cỡ giấy, khổ giấy.

6. Bật tắt hiển thị: Thước, Thanh công cụ, Thanh định dạng.

7. In văn bản:

- Xem trước khi in;
- Phóng to thu nhỏ trang in;
- Đăng ký số trang in của văn bản.

8. Công dụng của tổ hợp phím “nóng” thông dụng:

Ctrl + N : mở một file mới

Ctrl + O : mở file đã tồn tại

Ctrl + S : cất (ghi) file vào ổ đĩa, thư mục hiện thời

F12 : cất (ghi) file với tên khác (tương tự khi chọn Save As)

Ctrl + X : cắt đoạn văn bản được bôi đen

Ctrl + C : copy đoạn văn bản bôi đen

Ctrl + Z : hồi phục văn bản khi bị xoá nhầm

Ctrl + V : dán văn bản vào vị trí con trỏ

Ctrl + L : căn lề trái đoạn văn bản

Ctrl + R : căn lề phải đoạn văn bản

Ctrl + E : căn giữa đoạn văn bản

Ctrl + J : căn đều hai bên đoạn văn bản

Ctrl + 1 : tạo khoảng cách đơn giữa các dòng

Ctrl + 5 : tạo khoảng cách 1 dòng rưỡi giữa các dòng

Ctrl + 2 : tạo khoảng cách đôi giữa các dòng

Ctrl + D : chọn font chữ

Ctrl + A : bôi đen toàn bộ văn bản

Ctrl + G : nhảy đến trang cần thiết (tương tự ấn F5)

Shift + F5 : nhảy đến trang cuối cùng

Ctrl + F2 : xem tài liệu trước khi in (Print Preview)

Ctrl + P : In tài liệu

Ctrl + M : tăng lề của đoạn văn bản

Ctrl + Shift + M : bỏ tăng lề đoạn văn bản

Ctrl + = : bật – tắt đánh chỉ số dưới (H_2SO_4)

Ctrl + Shift + = : bật tắt đánh chỉ số trên

Ctrl + B : bật – tắt chữ đậm

Ctrl + I : bật – tắt chữ nghiêng

Ctrl + U : bật - tắt chữ gạch chân

Ctrl + Shift + D : bật - tắt chữ gạch chân kép

Ctrl + Shift + Z : trở về font chữ ban đầu (tương tự Ctrl + phím cách chữ)

Ctrl + Shift + F : đổi font chữ

Ctrl + Shift + P : đổi cỡ chữ

Ctrl + Shift + > : tăng lên 1 cỡ chữ

Ctrl + Shift + < : giảm đi 1 cỡ chữ

Ctrl +] : tăng co chữ khi được bôi đen
Ctrl + [: giảm cỡ chữ khi được bôi đen
Ctrl + F4 hoặc Ctrl + W hoặc Close: đóng tài liệu
Ctrl + Enter : ngắt trang
Shift + Enter : ngắt dòng
Ctrl + Esc: bật nút Start dưới đáy màn hình
Ctrl + F10: mở rộng cửa sổ ra toàn màn hình
Alt + Shift + T: chèn thời gian vào văn bản
Alt + Shift + D: chèn ngày, tháng, năm hiện thời vào văn bản
Alt + Z: chuyển chế độ gõ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại
Alt + F4 hoặc File -> Exit: thoát khỏi Word

III/ PHẦN EXCEL:

1. Thao tác và Quản lý bảng tính:

- Mở, đóng bảng tính;
- Đổi tên bảng tính;
- Chèn thêm bảng tính;
- Thêm hoặc xóa hàng hoặc cột trong bảng tính.

2. Quản lý cửa sổ bảng tính:

- Chê đôi cửa sổ bảng tính;
- Cố định một phần bảng tính;
- Thao tác với thanh công cụ.

3. Di chuyển trong bảng tính:

- Sang phải, sang trái, lên, xuống một cột, một hàng;
- Lên, xuống màn hình khuất trên, khuất dưới, khuất trái, khuất phải.

4. Xử lý dữ liệu:

- Sửa, xóa dữ liệu;
- Sắp xếp dữ liệu;
- Lọc dữ liệu theo tiêu chuẩn.

5. Tạo và chỉnh sửa biểu đồ:

- Tạo biểu đồ tự động;
- Tạo biểu đồ từ số liệu trong bảng tính;
- Sửa biểu đồ: kiểu biểu đồ, kiểu chữ trong biểu đồ, màu sắc...
- Dịch chuyển, sửa chữa kích cỡ biểu đồ.

6. Cách sử dụng hàm của Excel:

- Cách sử dụng hàm;
- Cú pháp của hàm: Tên hàm (danh sách tham biến);
- Một số hàm thông dụng:

=Sum() : tính tổng các giá trị số

=Count(): tính tổng số các ô hoặc các tham biến kiểu số

=Average(): tính giá trị trung bình cộng của các tham biến

=Sqrt(): tính căn bậc hai

=Max(): tính giá trị lớn nhất

=Min(): tính giá trị nhỏ nhất
=Left(): lấy chuỗi ký tự bên trái
=Right(): lấy chuỗi ký tự bên phải
=Text(): đổi giá trị số thành chuỗi
=Value(): đổi chuỗi số thành số.

IV/ SỬ DỤNG INTERNET VÀ THƯ TÍN ĐIỆN TỬ (E-mail)

1. Sử dụng Internet:

Truy cập vào một hoặc nhiều trang Web
Lưu nội dung một trang Web
In trang Web với địa chỉ
Sao chép ảnh từ trang Web
Trở về hoặc đi đến trang Web đã xem
Lưu lại địa chỉ trang Web đã xem
Truy nhập lại các địa chỉ trang Web đã truy nhập

2. Sử dụng thư tín điện tử

1. Đăng ký địa chỉ hộp thư;
2. Cách truy nhập và thoát khỏi hộp thư;
3. Mở xem thư, gửi tiếp, loại bỏ thư;
4. Tải nội dung thư về máy tính cá nhân;
5. Gửi thư có file đính kèm;
6. Gửi thư cho nhiều người cùng lúc;
7. Trả lời thư cho người gửi hiện thời;
8. Kiểm tra thư đã gửi;
9. Chuyển thư đã chọn cho người khác;
10. Thêm địa chỉ người quen vào sổ địa chỉ hộp thư.